

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 7140221

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc, trình độ Đại học được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPNTTW ngày tháng năm 2023 của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: SƯ PHẠM ÂM NHẠC

Mã số: 7140221

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Sư phạm Âm nhạc
- + Tiếng Anh: Music Education
- Mã số ngành đào tạo: 7140221
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Sư phạm Âm nhạc
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Music Education
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023
- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:
 - + Căn cứ Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã được Hội nghị TW 8 khoá XI thông qua;
 - + Căn cứ QĐ số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;
 - + Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

- + Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- + Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;
- + Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc có trình độ lý luận và thực hành để dạy học âm nhạc ở các cấp học phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật, góp phần giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong nước và hội nhập quốc tế. Đồng thời, có thể tự học, học tiếp lên bậc cao hơn để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Có kiến thức trong lĩnh vực âm nhạc và khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập quốc tế. Cung cấp cho người học các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kiến thức bổ trợ khác, cụ thể là: khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm, kiến thức tốt nghiệp. Thông qua quá trình tích lũy kiến thức nền tảng về giáo dục âm nhạc, giúp người học tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn hoặc có thể chuyển đổi sang lĩnh vực hoạt động nghệ thuật khác như sáng tác âm nhạc, biểu diễn âm nhạc, tổ chức các hoạt động âm nhạc...

2.2.2. Kỹ năng

Chương trình đào tạo đại học sư phạm âm nhạc hình thành cho người học các kỹ năng cơ bản về lĩnh vực giáo dục âm nhạc, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của giáo dục trong hội nhập quốc tế. Bao gồm hai nhóm kỹ năng, đó là: nhóm kỹ năng cứng và nhóm kỹ năng mềm.

Về nhóm kỹ năng cứng: các kỹ năng nghề nghiệp, khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, khả năng tư duy theo hệ thống, năng lực vận dụng được các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp, năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.

Về nhóm kỹ năng mềm: các kỹ năng cá nhân, kỹ năng làm việc theo nhóm, Quản lý môi trường dạy và học, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng mềm khác (ngoại ngữ, tin học).

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chương trình đào tạo đại học sư phạm âm nhạc hình thành cho người học năng lực tự chủ, có trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức xã hội theo giá trị chuẩn mực của dân tộc Việt Nam.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường. Thí sinh thi tuyển tổ hợp 2 môn: Kiến thức Âm nhạc cơ bản (Lý thuyết âm nhạc và Xướng âm/Thẩm âm), Thanh nhạc - Nhạc cụ và xét tuyển môn Ngữ văn.

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu hàng năm của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1 3/6	- Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống;

	làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành. - Áp dụng được kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh và pháp luật Việt Nam và khả năng tự rèn luyện thể chất để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
KT2 3/6	Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn minh thế giới, đại cương các loại hình nghệ thuật, mỹ học trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc.
	Vận dụng được kiến thức về lịch sử, văn hóa Việt Nam trong học tập, nghiên cứu dạy học âm nhạc.
KT3 3/6	Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản về âm nhạc ở trình độ đại học sư phạm vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc cũng như quản lý công tác giáo dục âm nhạc ở các cơ sở.
KT4 3/6	Vận dụng các kiến thức âm nhạc trong dạy học âm nhạc phổ thông các cấp và cơ sở đào tạo nghệ thuật
KT5 2/6	Nhận diện được tâm lý lứa tuổi, trạng thái tâm lý của học sinh để vận dụng phương pháp giáo dục, dạy học âm nhạc phù hợp.
	Giải thích được bản chất và vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội, khái quát hoá các vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục.
	Vận dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học âm nhạc phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng, hình thức tổ chức theo hướng phát triển năng lực của học sinh.
KT6 3/6	Xác định được vai trò, công việc của một giáo viên qua việc kiến tập và thực tập sư phạm để đáp ứng được các yêu cầu của trường phổ thông.
	Thể hiện được các kiến thức tổng hợp về sư phạm và khoa học âm nhạc.
	CDR - Kỹ năng

KN1	4/5	- Có kỹ năng sắp xếp, tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo, giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.
	3/5	Tổ chức được các hình thức dạy học âm nhạc, các hoạt động dạy học đa dạng phù hợp các đối tượng khác nhau; kết hợp được các hoạt động giáo dục trong quá trình dạy học âm nhạc trong và ngoài nhà trường.
KN2	3/5	Trình diễn được các hình thức nhạc hát: đơn ca, song ca, tốp ca, hợp xướng...; các hình thức nhạc đàn: độc tấu/hoà tấu đàn Electric Keyboard/Guitare hoặc một số nhạc cụ khác (Recorder, Ukulele, Trống, ...); sử dụng nhạc cụ đệm cho hát.
	3/5	Tổ chức dàn dựng được các chương trình âm nhạc tổng hợp đáp ứng giáo dục thẩm mỹ, tư tưởng, tuyên truyền cho học sinh trong nhà trường và xã hội
	5/5	Chỉ ra được cách thức tự học phù hợp với từng nội dung môn học và đối tượng học sinh.
KN3 2/5	Xây dựng và điều chỉnh được kế hoạch kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết trong quá trình dạy học âm nhạc; thiết kế được các bài kiểm tra đánh giá theo những mục đích, mục tiêu phù hợp nhằm đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Lập được kế hoạch đánh giá kết quả của từng hoạt động giáo dục âm nhạc. Thực hiện cải tiến được việc dạy học, giáo dục; có khả năng xây dựng, quản lý và sử dụng hồ sơ dạy học.	
KN4 2/5	Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu và dạy học Âm nhạc.	
KN5 5/5	Đề xuất các ý tưởng cải tiến việc dạy học môn học, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho môn học, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.	

KN6 4/5	Đánh giá được bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và bối cảnh toàn cầu đối với giáo dục nói chung, dạy học âm nhạc nói riêng từ đó có những thích ứng kịp thời nhằm phát triển nghề nghiệp chuyên môn.
KN7 2/5	Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, sử dụng những kiến thức ngành Sư phạm Âm nhạc và công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về nghiên cứu và dạy học Âm nhạc
KN8 4/5	Đề xuất được các ý tưởng cải tiến về nghiên cứu và tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn.
KN 9 3/5	Thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi của môi trường xã hội.
KN10 4/5	Thành lập nhóm, sắp xếp, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung và thích ứng với hoàn cảnh. Kết hợp thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, nhóm; giao tiếp bằng văn bản hoặc email.
KN11 5/5	Quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra các hoạt động trong trường, trong lớp phụ trách
KN 12 3/5	Phối hợp năng lực nghe, nói, đọc viết đạt trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành Âm nhạc phù hợp công việc chuyên môn.
CĐR - Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1 4/5	- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập cao hơn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn. - Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác, trách nhiệm với công việc
TC2 3/5	Chủ động làm việc độc lập, đề xuất và hỗ trợ trong làm việc nhóm. Bảo vệ và điều hành những hình thái hoạt động giáo dục âm nhạc trong đa dạng môi trường văn hóa, gắn với địa phương.
TC3 4/5	Chủ động tự học hỏi, tự định hướng. Bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc.

TC4 3/5	So sánh và tổng hợp được hiệu quả của quá trình chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc. Liên kết và huy động được các cơ quan, tổ chức tại địa phương cho việc phát triển môi trường giáo dục nghệ thuật.
----------------------------------	--

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cử nhân Sư phạm Âm nhạc làm công tác giảng dạy âm nhạc tại các trường phổ thông, trường sư phạm và trường văn hoá - nghệ thuật; công tác tổ chức hoạt động nghệ thuật tại các cơ quan, đoàn thể; làm công tác nghiên cứu âm nhạc, phương pháp dạy học âm nhạc tại các cơ sở giáo dục; làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội; làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối ngành nghệ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Có thể học tiếp được lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học âm nhạc hoặc các chuyên ngành gần (Giáo dục học, Âm nhạc học, Văn hoá học...).

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra																						
	Kiến thức						Kỹ năng												Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 12												Từ 1 đến 4				
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KT 6	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	KN 10	KN 11	KN 12	TC 1	TC 2	TC 3	T C4	
1. Khối kiến thức chung																							
Triết học Mác - Lênin	3						4												3				
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3						4												3				
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3						4												3				
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3						4												4				
Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	3						4												4				
Pháp luật đại cương	3															4					4		
Tin học cơ bản	1	2	3	4	5		1	2	3	4									1				

Tiếng Anh 1	1	2	3				1	2	3										1	2	3	
Tiếng Anh 2	1	2	3				1	2	3										1	2	3	
Giáo dục thể chất 1	3						3	3	1										3	3	2	3
Giáo dục thể chất 2	3						3	3	3										3	3	3	3
Giáo dục quốc phòng	3																			3	4	
2.Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành																						
2.1. Các học phần bắt buộc																						
Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	3			2	3						4	4		3	3		2	4	3	4	2
Đại cương các loại hình nghệ thuật		3	3									4								3	4	
Mỹ học (AN)		3		3								4			3				4	3	4	
Phương pháp nghiên cứu khoa học			3								5			4								3
2.2. Các học phần tự chọn																						

Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo						3											5		4			
Tiếng Việt thực hành	1	2					1	2											1	2	3	4
Lịch sử văn minh thế giới	2	3		3		3	2					4	4		3				4	3	4	2

3.Khối kiến thức cơ sở ngành

3.1. Các học phần bắt buộc

Lý thuyết âm nhạc 1			3	3			2							2	4						4	
Lý thuyết âm nhạc 2			3	3			2							2	4						4	
Lịch sử âm nhạc thế giới 1		3		3			2			2		4								3	4	
Lịch sử âm nhạc thế giới 2		3		3			2			2		4								3	4	
Âm nhạc Việt Nam		3		3			2			2		4							4	3	4	
Dân ca			3	3				3								4				3	4	
Múa				3			3	3		2		4		2		4			4	3	4	

Tiếng Anh chuyên ngành	1	2	3				1	2	3	4									1	2	3	4
Tin học chuyên ngành			3	3			2		2	2			2			4				3	4	
2.2. Các học phần tự chọn																						
Chuyển soạn cho hợp xướng		3		3	2			3		2			2	4					4	3	4	
Dân tộc nhạc học		3		3		3							4						4	3	4	
Văn hoá học đại cương	2					3							4						4	3	4	
Văn hoá dân gian Việt Nam	2					3							4					2	4	3	4	3
4. Khối kiến thức chuyên ngành																						
4.1. Các học phần bắt buộc																						
Ký xướng âm 1			3	3	2		2				5									3	4	
Ký xướng âm 2			3	3	2		2				5									3	4	
Ký xướng âm 3			3	3	2		2				5									3	4	
Ký xướng âm 4			3	3	2		2				5									3	4	
Ký xướng âm 5			3	3	2		2				5									3	4	

Hoà thanh 1		3	3	3									2							3	4	
Hoà thanh 2		3	3	3									2							3	4	
Phân tích tác phẩm 1		3	3	3									2							3	4	
Phân tích tác phẩm 2		3	3	3									2							3	4	
Sáng tác		3		3								4			3					3	4	
Hợp xướng 1		3		3	2		2	3	2						3	4				3	4	3
Hợp xướng 2		3		3	2		2	3	2						3	4				3	4	3
Chỉ huy hợp xướng		3		3	2		2	3	2				2		3	4				3	4	3
Dàn dựng chương trình âm nhạc nhạc tổng hợp 1		3	3	3	2			3				4			3	4			4	3	4	3
Dàn dựng chương trình âm nhạc nhạc tổng hợp 2		3	3	3	2			3				4			3	4			4	3	4	3
Thanh nhạc 1			3	3				3		2										3	4	
Thanh nhạc 2			3	3				3		2										3	4	
Thanh nhạc 3			3	3				3		2										3	4	

Thanh nhạc 4			3	3				3		2									3	4		
Keyboard/Guitar 1			3	3				3		2									3	4		
Keyboard/Guitar 2			3	3				3		2									3	4		
Keyboard/Guitar 3			3	3				3		2									3	4		
Keyboard/Guitar 4			3	3				3		2									3	4		
4.2. Các học phần tự chọn																						
Giới thiệu nhạc cụ		3			2			2		2			2						3	4		
Nhạc cụ tự chọn			3	3				3		2									3	4		
Hoà tấu			3	3				3		2					4				3	4		
Đệm đàn 1			3	3				3		2									3	4		
Đệm đàn 2			3	3				3		2									3	4		
Thực hành biểu diễn						3	3	5		2	5		2		4	4			4	3	4	
5.Khối kiến thức thực nghiệm vụ sư phạm																						
5.1. Các học phần bắt buộc																						
Phương pháp dạy học âm nhạc 1		3	3		2	3	2;3	5	2	2	5		2			4	5		4	4	4	3

Phương pháp dạy học âm nhạc 2		3	3		2	3	2;3	5	2	2	5		2			4	5		4	4	4	3
Tâm lý học					2		3	5											4			
Giáo dục học					2		2													3		
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm				3	2	3	2													3		

5.2. Các học phần tự chọn

Tâm lý học nghệ thuật			3										2									3
Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc		3			2		2	3				4			3				4	3	4	
Thực tế sáng tác		3		3								4			3					3	4	

6. Khối kiến thức thực tập sư phạm

6.1. Kiến thức thực tập

Thực tập sư phạm 1		3	3	3	2	3	3		2		5				3	4			4	3	4	3
Thực tập sư phạm 2		3	3	3	3	3	3		2		5				3	4			4	3	4	3

6.2. Khối kiến thức cuối khóa

Khoá luận/Hoạt động																						
Sư phạm Âm nhạc tổng hợp		3	3	3	2		3	3	3	2				2	3	4			4	3	4	3

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 139 tín chỉ (*không tính học phần Giáo dục quốc phòng*)

1.1. Khối kiến thức chung (M1): 27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành (M2): 13 tín chỉ

- Bắt buộc: 9 tín chỉ

- Tự chọn: 4/6 tín chỉ

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3): 22 tín chỉ

- Bắt buộc: 20 tín chỉ

- Tự chọn: 2/8 tín chỉ

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4): 45 tín chỉ

- Bắt buộc: 39 tín chỉ

- Tự chọn: 6/12 tín chỉ

1.5. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (M5): 19 tín chỉ

- Bắt buộc: 15 tín chỉ

- Tự chọn: 4/6 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức thực tập (M6): 6 tín chỉ

1.7. Khối kiến thức cuối khóa (M7): 7 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu...</i>	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27				
1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác – Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học

				Số giờ tín chỉ			
5. Số	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Số	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
T 6	Mã số POL2007	Học phần Pháp luật đại cương	tín chỉ	26	8	66	Quyết tiện
7	INF2001	Tin học cơ bản	2	26	8	66	Không
8	CFL.2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
9	CFL.2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	2	4	46	50	Không
11	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2 (Cầu lông, Võ thuật, Khiêu vũ)	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					Không
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành	13				
II.1		Các môn học bắt buộc	9				
13	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam Vietnam Cultural Facilities	3	39	12	99	Không
14	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật General Arts	2	26	8	66	Không
15	MUS2002	Mỹ học Aesthetics	2	26	8	66	Triết học Mác-Lênin
16	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methods	2	26	8	66	Không
II.2		Các môn học tự chọn	4/6				
17	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	26	8	66	Không

				Số giờ tín chỉ			
Số TT	Mã số	Tiếng Việt thực hành Học phần Vietnamese Practice	Số tín chỉ	26	8	66	Học phần tiên quyết
19	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2	26	8	66	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	22				
III.1		Các môn học bắt buộc	20				
20	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	39	12	99	Không
21	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 1
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	26	8	66	Không
23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 1
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam Vietnam music	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 2
25	VMU2001	Dân ca Singing folk song	2	10	40	50	Không
26	MUS2011	Múa Dancing	3	15	60	75	Không
27	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
28	MUS2001	Tin học chuyên ngành	2	26	8	66	Tin học cơ bản
III.2		Các môn học tự chọn	2/8				
29	MUS2074	Chuyển soạn cho hợp xướng Choral Arranging	2	26	8	66	Hòa thanh 2
30	MUS2016	Dân tộc nhạc học Ethnomusicology	2	26	8		Không
31	CLM2003	Văn hoá học đại cương	2	26	8	66	Không
32	CLM2016	Văn hoá dân gian Việt Nam	2	26	8	66	Không

				Số giờ tín chỉ			
IV Số	M4 Mã số	Khối kiến thức chuyên ngành Học phần	45 tín				Học phần tiên quyết
TT IV.1		Các môn học bắt buộc	39				
33	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	10	40	50	Không
34	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
35	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2	10	40	50	Ký xướng âm 2
36	MUS2020	Ký xướng âm 4 Tonic Sol-fa notation 4	2	10	40	50	Ký xướng âm 3
37	MUS2021	Ký xướng âm 5 Tonic Sol-fa notation 5	2	10	40	50	Ký xướng âm 4
38	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 2
39	MUS2023	Hòa thanh 2 Harmony 2	2	26	8	66	Hòa thanh 1
40	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2	26	8	66	Hòa thanh 1
41	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3	39	12	99	Phân tích tác phẩm 1
42	MUS2012	Sáng tác Composition	2	26	8	66	Phân tích tác phẩm 1
43	MUS2080	Hợp xướng 1 Choral 1	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
44	MUS2081	Hợp xướng 2 Choral 2	2	10	40	50	Hợp xướng 1
45	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Choral conducting	2	10	40	50	Hợp xướng 2
46	MUS2066	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Synthetic staging 1	2	10	40	50	Chỉ huy hợp xướng

				Số giờ tín chỉ			
Số TT	MMS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2 Học phần Synthetic staging 2	Số tín chỉ	10	40	50	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Học phần tiên quyết
48	VMU2002	Thanh nhạc 1 Vocal music 1	1	2	23	25	Không
49	VMU2003	Thanh nhạc 2 Vocal music 2	1	2	23	25	Thanh nhạc 1
50	VMU2018	Thanh nhạc 3 Vocal music 3	1	2	23	25	Thanh nhạc 2
51	VMU2019	Thanh nhạc 4 Vocal music 4	1	2	23	25	Thanh nhạc 3
52	MUS2085	Keyboard/Guitar 1	1	5	20	25	Không
53	MUS2086	Keyboard/Guitar 2	1	5	20	25	Keyboard/Guitar 1
54	MUS2087	Keyboard/Guitar 3	1	5	20	25	Keyboard/Guitar 2
55	MUS2088	Keyboard/Guitar 4	1	5	20	25	Keyboard/Guitar 3
IV.2		Các môn học tự chọn	6/12				
56	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2	26	8	66	Không
57	MUS2082	Nhạc cụ tự chọn Instrument of choice	2	10	40	50	Keyboard/Guitar 1
58	MUS2063	Hoà tấu Ensembling instrument	2	10	40	50	Keyboard/Guitar 2
59	VMI2006	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2	10	40	50	Không
60	VMI2007	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	2	10	40	50	Đệm đàn 1
61	VMU2011	Thực hành biểu diễn Practice performance	2	10	40	50	Không
V	M5	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm	19				
V.1		Các môn học bắt buộc	15				
62	MUS2031	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	2	26	8	66	Giáo dục học

				Số giờ tín chỉ			
Số TT	Mã số	Học phần Teaching methods for music 1 Phương pháp dạy học âm nhạc 2 Teaching methods for music 2	Số tín chỉ 3				Học phần tiên quyết Phương pháp dạy học âm nhạc 1
63	MUS2065			39	12	99	
64	PPE2001	Tâm lý học General Psychology	4	52	16	132	Không
65	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3	39	12	99	Tâm lý học
66	PPE2028	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	39	12	99	Giáo dục học
V.2		Các môn học tự chọn	4/6				
67	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2	26	8	66	Không
68	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Musical activities experience	2	10	40	50	Phương pháp dạy học âm nhạc 2
69	MUS2014	Thực tế sáng tác	2	5	25	70	Không
VI	M6	Khối kiến thức thực tập sư phạm	6				
70	MUS2046	Thực tập sư phạm 1 Praticum 1	2	10	40	50	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm
71	MUS2047	Thực tập sư phạm 2 Praticum 2	4	20	80	100	Thực tập sư phạm 1
VII	M7	Khối kiến thức cuối khóa	7				
72	MUS2077	Khoá luận/ Hoạt động Sư phạm Âm nhạc tổng hợp Graduation	7				Các học phần theo quy định
Tổng số			139				

3. Tóm tắt nội dung các học phần

1. POL2009, Triết học Mác- Lênin, 3 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương. Ngoài việc giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề về đối tượng học tập, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu của môn học. Còn cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. POL2010, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: POL2009, Triết học Mác – Lênin, 3 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: POL2010, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. POL 2003, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: POL2011, Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

5. POL2013, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: POL 2003, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học gồm 4 chương: Chương mở đầu, Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 1, những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Chương 3, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. POL2007, Pháp luật đại cương, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Pháp luật đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên luật những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề hội nhập, hợp tác quốc tế và phòng chống tham nhũng

Tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật.

Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản đó có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn này, khi mà Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

7. INF2001, Tin học cơ bản, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học bao gồm các phần sau:

Phần 1. Một số kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, bao gồm: Thông tin, lưu trữ và xử lý thông tin trên máy tính; Hệ điều hành; một số trình tiện ích, ...

Phần 2. Hệ soạn thảo văn bản MicrosoftWord: Bao gồm các kiến thức giúp sinh viên thực hiện các thao tác xử lý văn bản bằng công cụ hỗ trợ văn phòng MS Word như xây dựng văn bản, định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản v.v...

Phần 3. Bảng tính điện tử MicrosoftExcel: Giúp sinh viên thực hiện các kỹ năng trên bảng tính như nhập dữ liệu cho bảng tính, trình bày bảng tính, xây dựng công thức, sử dụng một số hàm thông dụng để tính toán, các hàm đặc biệt khác và xử lý, tổng hợp dữ liệu trên bảng tính...

Phần 4. Trình chiếu MicrosoftPower Point: Giúp sinh viên thực hiện làm quen với các công cụ trên slides, tạo hiệu ứng cho slides, quản lý slides, kỹ thuật trình chiếu nhằm tạo ra một bài trình chiếu sinh động.

8. CFL.2001,Tiếng Anh 1, 4 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần tiếng Anh1gồm 14 chủ đề:(1) Hello everybody; (2) Meeting people; (3) The world of work; (4) Take it easy; (5) Where do you live?; (6) Can you speak English?; (7) Then and now (8) A date to remember; (9) Food you like (10) Bigger and better (11) Looking good; (12) Life ‘s an adventure; (13) Storytime; (14) Have you ever? Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm,từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: Cấu tạo và cách sử dụng của thì hiện tại đơn với động từ “to be” và động từ thường; cấu trúc “have got/ has got”; “have to/has to”,

động từ khuyết thiếu “can” và “could”, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ “to be” và động từ thường, danh từ đếm được và không đếm được, cách dùng của tính từ và trạng từ, câu tạo và cách dùng của thì hiện tại tiếp diễn; cách diễn đạt hành động trong tương lai gần với “be going to”; các cấp so sánh của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, tính từ sở hữu; danh từ đếm được và không đếm được; đại từ sở hữu.

Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng số đếm, số điện thoại và các từ vựng thuộc chủ đề quê quán, quốc tịch, gia đình, hoạt động vui chơi giải trí, thức ăn và đồ uống, trang phục, cảm xúc, đồ vật trong gia đình, từ chỉ nghề nghiệp, màu sắc và thời tiết. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết theo các chủ điểm: giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động giải trí, phát minh, công việc, ...

9. CFL.2002, Tiếng Anh 2, 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: CFL.2001, Tiếng Anh 1

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung học phần tiếng Anh 2 gồm 12 chủ đề: (1) Unit 1: Getting to know you; (2) Unit 2: The way we live; (3) Unit 3: What happened next?; (4) Unit 4: The market place; (5) Unit 5: What do you want to do?; (6) Unit 6: Places and things; (7) Unit 7: Fame; (8) Unit 8: Do's and don't; (9) Unit 9: Going places; (10) Unit 10: Things that changed the world; (11) Unit 11: What if ...?; Unit 12: Trying your best.. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, quán từ xác định, các cấu trúc diễn đạt tương lai, cấu trúc so sánh của tính từ, cấu trúc “have to, should, must”, mệnh đề thời gian bắt đầu bằng các từ “as soon as, when, while, until”, dạng bị động, câu điều kiện loại 2.

Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng các từ vựng thuộc các chủ đề: thức ăn đồ uống, địa điểm, mua sắm. Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ kết hợp với chủ đề cuộc sống hàng ngày, tính từ đồng nghĩa và trái nghĩa, động từ kết hợp với danh từ, cụm động từ và thành ngữ. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết

về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày. Đối với kỹ năng đọc, rèn luyện cho sinh viên khả năng đọc lướt, đọc quét. Đối với kỹ năng nghe, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe để xác định thông tin đúng/sai, nghe để ghi lại thông tin chính. Đối với kỹ năng viết, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ Anh để miêu tả bạn, viết thư, kể truyện, viết bưu thiếp, điền đơn, giới thiệu sách/phim.

10. PPE2010, Giáo dục thể chất 1, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục thể chất 1 (GDTC 1) là phần học bắt buộc trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho Sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 1 được chia làm ba nội dung chính:

Thứ nhất: Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khỏe và sự dẻo dai trong lao động.

Thứ hai: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

Thứ ba: Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

11. PPE2011, Giáo dục thể chất 2, 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: PPE2010, Giáo dục thể chất 1, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục thể chất 2 (GDTC 2) là phần học tự chọn trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 2 được chọn làm ba nội dung:

Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)

Môn học Cầu lông là một trong 3 nội dung học tự chọn của học phần Giáo dục thể chất 2 trong chương trình đào tạo về Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Môn học chia làm 3 nội dung chính: một là Nguồn gốc ra đời của môn Cầu lông và Luật thi đấu môn Cầu lông, hai là Các kỹ thuật thực hành trong môn học Cầu lông, ba là Phương pháp tổ chức và thi đấu môn học Cầu lông.

Môn học Cầu lông là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.

Ngoài ra môn học giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận động, xác định mục tiêu môn học, bài học. Trên cơ sở đó, giảng viên xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này cũng giúp giảng viên, sinh viên biết tự đánh giá kết quả của quá trình dạy và học, giúp giảng viên, sinh viên thu thập các thông tin phản hồi hữu ích để điều chỉnh quá trình dạy học, nhằm đạt mục tiêu dạy học giáo dục thể chất một cách tốt nhất.

Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ)

Môn học Khiêu vũ thể thao là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn (GDTC2) của môn Giáo dục thể chất. Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc tế. Chương trình môn học tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive và Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức như 1 giải

đấu nhỏ về Khiêu vũ thể thao để các em có thể áp dụng triệt để những kiến thức đã được học cả về lý thuyết và thực hành để tạo hứng thú trong các em sinh viên. Cùng với sự kiểm tra, đánh giá, nhận xét của các giảng viên có chuyên môn trong bộ môn Giáo dục thể chất giúp các em nâng cao được trình độ và có thể tự tin đi giao lưu hoặc tham gia một số giải đấu như Vũ điệu xanh, Giải thể thao học sinh sinh viên, giải thể thao các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội...

Giáo dục thể chất 2 (Võ)

Môn học Võ thuật là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn của môn Giáo dục thể chất. Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo...), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ Karate làm một trong ba môn học tự chọn của trường. Chương trình môn học tự chọn – Võ thuật trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là môn phái Karate. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đâm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đâm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức biểu diễn theo nhóm

13. CLM 2001, Cơ sở văn hóa Việt Nam, 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học căn bản, thiết thực đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa - nghệ thuật. Môn học chiếm thời lượng 3 tín chỉ, là môn học mang tính bắt buộc của sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương. Nội dung môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về văn hóa như: hệ thống các khái niệm và chức năng của văn hóa Một số thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam (phong tục, tập quán, lối sống, tôn giáo - tín ngưỡng, văn học, nghệ thuật...); Các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam (nền văn hóa gốc nông nghiệp lúa nước, tinh thần tổ quốc trong văn hóa Việt Nam, gia đình trong văn hóa Việt Nam,

giao lưu tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam với Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, phương Tây); Các vùng văn hóa Việt Nam (Đồng bằng Bắc Bộ, Tiểu vùng văn hóa xứ Lạng, Vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, Tiểu vùng văn hóa xứ Thanh, Tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ, Tiểu vùng văn hóa xứ Huế, Tiểu vùng văn hóa xứ Quảng, Tiểu vùng văn hóa cực Nam Trung Bộ, Vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên, Nam Bộ), tiếp cận văn hóa Việt Nam qua một số loại hình nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, sân khấu, trang phục. Đây cũng là những lĩnh vực gắn liền với các chuyên ngành đào tạo tại trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

14. MUS2078, Đại cương các loại hình nghệ thuật, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề nguồn gốc của nghệ thuật, vai trò và chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật. Đặc trưng hình thức, ngôn ngữ của một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu: Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Âm nhạc, Múa, Sân khấu, Điện Ảnh, Văn học.

15. MUS2002, Mỹ học (AN), 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: POL2009, Triết học Mác – Lê nin, 3 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

- Những vấn đề trọng tâm của mỹ học: Các phạm trù cái đẹp, cái bi, cái hài; sơ lược lịch sử tư tưởng thẩm mỹ qua các thời kỳ; mối quan hệ giữa cái đẹp, cái bi, cái hài trong cuộc sống với nghệ thuật.

- Vai trò của khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ âm nhạc nhằm phát triển năng lực, định hướng thẩm mỹ, thưởng thức và thị hiếu âm nhạc, phù hợp với đối tượng là sinh viên nghệ thuật..

16. PPE2008, Phương pháp nghiên cứu khoa học, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học,

những yêu cầu trong trình bày kết quả nghiên cứu. Trên cơ sở đó người học có khả năng triển khai nghiên cứu một đề tài cụ thể

17. PPE2003, Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục - đào tạo, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về: nhà nước, về hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; Quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho người học kiến thức pháp luật về công chức, viên chức, về công vụ và hoạt động nghề nghiệp, về giáo dục và Điều lệ Nhà trường... Từ đó giúp người học ý thức về trách nhiệm, vai trò của mình trong quá trình thực hành nghề nghiệp ở trường phổ thông.

Môn học chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý các hoạt động ngoại khóa góp phần quản lý trường học...

18. CFL2008, Tiếng Việt thực hành, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Tiếng Việt thực hành là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, giúp sinh viên có ý thức sử dụng tiếng Việt theo các chuẩn mực về phát âm và chữ viết, về từ ngữ, ngữ pháp và về phong cách. Qua học phần này, người học được rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: Kỹ năng nói (thuyết trình); kỹ năng chính âm, chính tả; kỹ năng dùng từ; xây dựng đoạn văn và luyện năng lực viết (tạo lập) văn bản thuộc các phong cách khác nhau. Như vậy, từ chỗ biết sử dụng tiếng Việt như thế nào là đạt yêu cầu đến chỗ biết phát hiện lỗi sai, phân tích lỗi và sử dụng tiếng Việt một cách khoa học, sáng tạo sẽ dần hình thành trong người học ý sử dụng tiếng Việt chuẩn. Ngoài ra, việc rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt cũng góp phần làm cho người học thêm yêu ngôn ngữ của dân tộc, có ý thức rèn luyện trong việc sử dụng ngôn ngữ, lời nói phục vụ cho việc học tập, giao tiếp và công tác.

19. CLM2004, Lịch sử văn minh thế giới, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về điều kiện hình thành và quá trình lịch sử của một số nền văn minh trên thế giới từ thời kỳ cổ đại, trung đại đến thời kỳ cận, hiện đại.... Trên cơ sở đó, giới thiệu về những thành tựu cơ bản của một số trung tâm văn minh như: Văn minh ở Bắc Phi và Tây Á, văn minh Ấn Độ cổ - trung đại, văn minh Trung Quốc cổ - trung đại, văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại,...

Môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm của một số nền văn minh, từ đó giúp cho sinh viên có thể nhận dạng được nền văn minh đó, so sánh, đối chiếu để thấy được sự giống và khác nhau giữa văn minh, văn hóa Việt Nam với văn minh nhân loại, thấy được sự kế thừa các thành tựu văn minh của thời kỳ sau đối với thời kỳ trước.

20. MUS2008, Lý thuyết âm nhạc 1, 3 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lý thuyết âm nhạc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về âm nhạc như: cao độ, trường độ, nhịp, quãng và hợp âm.

Học phần lý thuyết 1 được kết hợp chặt chẽ với với phần thực hành. Vì thế ngoài phần lý thuyết, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập như: bài tập về nhịp, quãng, hợp âm... điều đó giúp sinh viên nắm vững những kiến thức đã học đồng thời là cơ sở để áp dụng vào các học phần âm nhạc tiếp theo.

21. MUS2009, Lý thuyết âm nhạc 2 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *MUS2008, Lý thuyết âm nhạc 1, 3 tín chỉ*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lý thuyết âm nhạc 2 tiếp tục cung cấp những kiến thức về điệu thức, giọng, quãng, hợp âm trong các giọng trưởng, giọng thứ và cách xác định giọng, dịch giọng bản nhạc.

Trong học phần này, sinh viên còn được tiếp cận với một số thang âm điệu thức âm nhạc dân gian như: thang âm điệu thức 5 âm Trung Quốc và thang âm điệu thức 5 âm Việt Nam. Từ đó sinh viên có thể vận dụng vào việc xác định điệu thức trong các bài dân ca.

Ngoài ra, học phần còn giúp giảng viên và sinh viên tiếp tục tìm hiểu những kiến thức lý thuyết âm nhạc mới trong âm nhạc hiện đại.

22. MUS2060, Lịch sử âm nhạc thế giới 1 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần LSAN thế giới 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về sự phát triển lịch sử âm nhạc châu Âu các thời kỳ nguyên thủy; cổ đại; trung cổ; Phục hưng với các trung tâm Ý, Pháp; âm nhạc thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII với các trung tâm: Ý, Pháp, Anh, Đức và âm nhạc thời kỳ cổ điển Viên nửa sau thế kỷ XVIII; âm nhạc thế kỷ XIX với những đặc trưng tiêu biểu của trường phái lãng mạn và các trường phái âm nhạc dân tộc. Trong đó là những thông tin về đặc điểm âm nhạc của từng giai đoạn thời kỳ, lịch sử phát triển các thể loại thanh nhạc, khí nhạc; giới thiệu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

23. MUS2061, Lịch sử âm nhạc thế giới 2, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *MUS2060, Lịch sử âm nhạc thế giới 1, 2 tín chỉ*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Lịch sử âm nhạc thế giới 2 là học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc thế giới (phần phương Tây) thế kỷ XX với các trào lưu, phong cách chính, đặc điểm âm nhạc, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Giới thiệu sơ lược về lịch sử âm nhạc phương Đông với một số đại diện tiêu biểu như Trung Quốc, Ấn Độ... Từ đó, có những kiến thức tổng hợp về âm nhạc, đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc.

24. MUS2056, Âm nhạc Việt Nam, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *MUS2061, Lịch sử âm nhạc thế giới 2, 2 tín chỉ*

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Âm nhạc Việt Nam trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời kì đầu dựng nước đến thế kỉ XX. Giới thiệu các đặc điểm và thành tựu trong mỗi giai đoạn; sự ảnh hưởng của các đợt tiếp biến văn hóa đến các bộ phận cấu thành nên âm nhạc Việt Nam hiện nay.

25. VMU2001, Dân ca, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về dân ca Việt Nam, biết thể hiện một số làn điệu dân ca tiêu biểu của các vùng-miền:

- Giới thiệu khái quát về kho tàng dân ca Việt Nam và các thể loại.

- Giới thiệu đặc trưng nghệ thuật và phong cách diễn xướng dân ca của các vùng - miền, dân ca của một số dân tộc.

- Dạy diễn xướng một số bài dân ca tiêu biểu của các vùng miền: Đồng bằng Bắc bộ, miền núi phía Bắc, Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên.

26. MUS2011, Múa, 3 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

- Những lí luận cơ bản về nghệ thuật múa; kiến thức cơ bản về ngôn ngữ múa, phong cách múa dân gian của một số dân tộc Việt Nam. Múa cơ bản dân gian các dân tộc: Việt, Tày, H'mông, Tây Nguyên; múa Cổ điển Châu Âu và một số điệu nhảy giao tiếp.

- Phương pháp biên đạo, dàn dựng các tiết mục múa

27. CFL.2005, Tiếng Anh chuyên ngành, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: CFL.2002, Tiếng Anh 2, 3 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành thuộc các chủ đề: Lịch sử Âm nhạc, Vai trò của Âm nhạc, Thể loại nhạc, Nhạc cụ, Nhạc sĩ: Tác giả và tác phẩm và sự phát triển của nhạc Jazz.

Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành tiếng Anh trong đó chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành giúp sinh viên có thể tra cứu tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình giúp sinh viên tự tin giao tiếp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành Âm nhạc bằng tiếng Anh phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp. Thông qua nội dung các bài học tiếng Anh chuyên ngành sinh viên không những được nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh mà còn có thể trau dồi kiến thức chuyên ngành Âm nhạc.

28. MUS2001, Tin học chuyên ngành, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: INF2001, Tin học cơ bản, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Tin học chuyên ngành cung cấp cho người học về đặc điểm một số phần mềm âm nhạc phổ biến để phục vụ giảng dạy; những kỹ năng cơ bản sử dụng các phần mềm vào học tập âm nhạc như chép nhạc, biên tập audio và video phục vụ cho dạy học; các thao tác cơ bản thiết kế và trình bày giáo án điện tử bằng thiết bị multimedia.

29. MUS2074, Chuyển soạn cho hợp xướng, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: MUS2023, Hoà thanh 2, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

- Những vấn đề chung về chuyển soạn cho hợp xướng
- Một số thủ pháp cơ bản của chuyển soạn cho hợp xướng.
- Chuyển soạn thích ứng: từ hợp xướng đồng giọng cho hợp xướng hỗn hợp và ngược lại.
- Chuyển soạn tái tạo/sáng tạo ca khúc có phần đệm piano cho hợp xướng.

30. MUS2016, Dân tộc nhạc học, 2 tín chỉ

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm, kiến thức về dân tộc nhạc học; dân tộc nhạc học trong đời sống văn hóa của con người; về phương pháp nghiên cứu

âm nhạc truyền khẩu của các sắc tộc trên thế giới thông qua lịch sử, dân tộc học, xã hội học và nhạc học.

31. CLM2003, Văn hoá học đại cương, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Văn hoá học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, có đối tượng nghiên cứu rộng, hướng vào toàn bộ thế giới vật chất, tinh thần được sáng tạo trong suốt quá trình lịch sử loài người. Học phần Văn hóa học đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về văn hóa học, hệ thống hóa những khái niệm về văn hóa học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và nghiên cứu diễn giải các hiện tượng như biểu tượng, ký hiệu, sự biến đổi, thích ứng văn hóa trong xã hội đương đại hiện nay.

32. CLM2016, Văn hóa dân gian Việt Nam, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về văn học dân gian, sân khấu dân gian, tranh dân gian và lễ hội dân gian truyền thống của người Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Về Văn học dân gian Việt Nam: Trang bị cho học viên kiến thức về văn học dân gian các tộc người khác của dân tộc Việt Nam, folklore lí thuyết, các thể loại của văn học dân gian, tiến trình văn học dân gian, nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian, văn học hiện đại và văn hóa học.

- Về sân khấu dân gian: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thức diễn xướng dân gian truyền thống của người Việt Nam như: Chèo, tuồng, cải lương, kịch hát dân ca, múa rối nước...

- Về tranh dân gian Việt Nam: Lịch sử hình thành của tranh dân gian Việt Nam, các dòng tranh dân gian, nội dung đề tài, bố cục, màu sắc của tranh dân gian...

- Về lễ hội cổ truyền của người Việt: Giới thiệu tổng quan về lễ hội cổ truyền, phân loại lễ hội dân gian, các loại hình nghệ thuật, trò chơi dân gian trong lễ hội; Giới thiệu một số lễ hội dân gian tiêu biểu ở các vùng miền của Việt Nam.

IV. Khối kiến thức chuyên ngành (M4) (45 tín chỉ)

IV.1. Môn học bắt buộc (39 tín chỉ)

33. MUS2017, Ký xướng âm 1, 2 tín chỉ

+ ***Học phần tiên quyết: Không***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm giọng C-dur và a-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ, tiết tấu cơ bản; ghi âm các bài tập có cao độ, trường độ, tiết tấu đơn giản ở C-dur và a-moll. Bên cạnh đó, học phần này còn chú trọng luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic (từ quãng 2 đến quãng 5) theo giọng, kỹ năng đọc tiết tấu bằng phương pháp đếm số.

34. MUS2018, Ký xướng âm 2, 2 tín chỉ

+ ***Học phần tiên quyết: MUS2017, Ký xướng âm 1, 2 tín chỉ***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng G dur, e moll, F dur, d moll với các dạng tiết tấu cơ bản kết hợp với đảo phách, nghịch phách. Bên cạnh đó, học phần này vẫn tiếp tục luyện kỹ năng đọc các quãng diatonic, kỹ năng đọc kết hợp gõ tiết tấu.

35. MUS2019, Ký xướng âm 3 (2 tín chỉ)

+ ***Học phần tiên quyết: MUS2018, Ký xướng âm 2, 2 tín chỉ***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng D-dur, Des-dur; h-moll, b-moll; B-dur, H-dur; g-moll, gis-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ cơ bản. Phần xướng âm có kỹ năng đọc tách biệt, ghi âm có kỹ năng ghi nhanh trên 2 khoá.

36. MUS2020, Ký xướng âm 4 (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: MUS2019, Ký xướng âm 3, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc xướng âm và ghi âm các giọng A-dur, As-dur, E-dur, Es-dur, f-moll, fis-moll, c-moll, cis-moll ở các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 3/8, 6/8, 9/8 với các dạng trường độ cơ bản và giới thiệu bán âm. Xướng âm đọc các quãng 2T, 2t, 3T, 3t, 4Đ, 5Đ theo sơ đồ. Ghi âm 2 bè đơn giản.

37. MUS2021, Ký xướng âm 5, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: MUS2020, Ký xướng âm 4, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này chủ yếu giải quyết kỹ năng đọc bán âm, chuyển điệu, kết hợp hướng dẫn phân tích các bài đọc xướng âm có chuyển điệu, đọc các quãng 2 đến quãng 7 theo sơ đồ.

Ghi âm đơn điệu có chuyển điệu. Ghi âm 2 bè phức điệu.

38. MUS2062, Hòa thanh 1, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: MUS2009, Lý thuyết âm nhạc 2, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp các nguyên tắc về sắp xếp bè, nối tiếp của các hợp âm ba chính và hợp âm 7 át theo phong cách hòa thanh cổ điển châu Âu:

- Các hợp âm ba chính gốc
- Thê đảo của các hợp âm ba
- Hợp âm bảy át
- Một số dạng kết

39. MUS2023, Hòa thanh 2, 2 tín chỉ

+ Học phần tiên quyết: MUS2062, Hòa thanh 1, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

- Giới thiệu một số hợp âm ba phụ hay dùng.
- Hệ thống hợp âm đầy đủ của điệu trưởng hòa âm và điệu thứ tự nhiên; hợp âm át kép; vòng Frigien.
- Hợp âm trong nhạc nhẹ

- Giới thiệu chuyển điệu công năng cấp I.
- Cách soạn công năng hòa âm đệm cho ca khúc: Âm hình hóa hòa âm, cách viết phần đệm đơn giản.
- Phân tích hoà âm trong tác phẩm âm nhạc.

40. MUS2024, Phân tích tác phẩm 1, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2062, Hòa thanh 1,2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Phân tích tác phẩm 1 cung cấp những kiến thức cơ bản ban đầu về hình thức và thể loại âm nhạc như: Khái niệm về hình thức, thể loại; phương tiện diễn tả của âm nhạc; các hình thức âm nhạc cơ bản. Thực hành phân tích các trích đoạn/tác phẩm ở hình thức từ 1 đến 3 đoạn đơn.

41. MUS2079, Phân tích tác phẩm 2, 3 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2024, Phân tích tác phẩm 1, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Phân tích tác phẩm 2 cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thức lớn (Ba đoạn phức, Rondo, Biến tấu, Sonate): đặc điểm trong cấu trúc của hình thức; các dạng cấu trúc cơ bản; ứng dụng của hình thức trong tác phẩm âm nhạc. Cung cấp kiến thức sơ lược về âm nhạc phức điệu.

Tìm hiểu/phân tích một số chương/tác phẩm âm nhạc tiêu biểu trong thời kỳ cổ điển, lãng mạn và nhận diện được một số thủ pháp/hình thức 2 đoạn, 3 đoạn trong Invention 2 bè.

42. MUS2012, Sáng tác, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2012, Phân tích tác phẩm 2, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Giới thiệu về ngôn ngữ Sáng tác, Giới thiệu Mô-tip, hình tượng âm nhạc và ngôn ngữ kết hợp âm nhạc. Đặc điểm và tầm cỡ các loại giọng hát, xây dựng âm hình. hướng dẫn phổ nhạc cho thơ. Cấu trúc hình thức một, hai, ba đoạn đơn và ngôn ngữ âm nhạc thiếu nhi. Yếu tố hình thành ca khúc nghệ thuật và thực hành.

43. MUS2080, Hợp xướng 1, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: MUS2017, Ký xướng âm 1, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này chủ yếu giới thiệu sơ lược lịch sử phát triển nghệ thuật hát hợp xướng trên thế giới từ thời kỳ Baroque tới cận đại. Các hình thức hợp xướng, cách sắp xếp bè cho các loại hợp xướng. Kỹ thuật cơ bản của hát hợp xướng hai bè, ba bè cho thiếu nhi, người lớn có tính chất âm nhạc khác nhau. Phân tích tác phẩm hợp xướng và bố cục dàn dựng, cách cân đối tỷ lệ các loại giọng. Một số kỹ thuật hát hợp xướng theo phong cách đương đại thông qua học hát các tác phẩm hợp xướng 2 bè và 3 bè.

44. MUS2081, Hợp xướng 2, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: MUS2080, Hợp xướng 1, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giới thiệu sơ lược lịch sử phát triển nghệ thuật hát hợp xướng trên thế giới và VN đến nay. Các hình thức hợp xướng, cách sắp xếp bè cho các loại hợp xướng. Kỹ thuật cơ bản của hát hợp xướng hai bè, ba bè và bốn bè cho thiếu nhi, người lớn có tính chất âm nhạc khác nhau. Phân tích tác phẩm hợp xướng và bố cục dàn dựng, cách cân đối tỷ lệ các loại giọng. Một số kỹ thuật hát hợp xướng theo phong cách đương đại thông qua học hát các tác phẩm hợp xướng 4 bè nước ngoài và Việt Nam.

45. MUS2075, Chỉ huy hợp xướng, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: MUS2081, Hợp xướng 2, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Sơ lược về Chỉ huy hợp xướng, kỹ thuật chỉ huy (vị trí và tư thế của người chỉ huy, chức năng hoạt động của hai tay, động tác cổ tay, ngón tay, cánh tay; sơ đồ các loại nhịp, lấy đà, cắt hết, xử lý sắc thái, xử lý tốc độ, tiết tấu phức tạp...). Thị tấu tổng phổ hợp xướng trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử từ đơn giản đến phức tạp. Yêu cầu xướng âm chuẩn xác bè (chiều ngang) và hợp âm (chiều dọc) trong bài hợp xướng. Thực hành vận dụng chỉ huy các bài piano và hợp xướng các loại nhịp cơ bản.

46. MUS2066, Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: MUS2075, Chỉ huy hợp xướng, 2 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp để có thể tổ chức dàn dựng các chương trình biểu diễn âm nhạc trong nhà trường phổ thông:

- Những vấn đề chung về “Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp”.
- Các hình thức biểu diễn trong dàn dựng.
- Kỹ thuật dàn dựng các tiết mục biểu diễn âm nhạc.
- Viết kịch bản chi tiết một tiết mục biểu diễn.

47. MUS2067, Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: *MUS2066, Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1, 2 tín chỉ*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

- Thiết kế nội dung kịch bản theo chủ đề
- Lựa chọn và dàn dựng các tác phẩm âm nhạc theo nội dung kịch bản
- Sắp xếp, liên kết các tiết mục âm nhạc theo nội dung kịch bản.
- Cách thức xây dựng kế hoạch tổ chức luyện tập, biểu diễn chương trình âm nhạc tổng hợp.

48. VMU2002, Thanh nhạc 1, 1 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: *Không*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thanh nhạc 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ quan phát âm, tư thế trong ca hát, khẩu hình và cách mở khẩu hình, hơi thở trong ca hát, các xoang cộng minh, vị trí âm thanh, các kỹ thuật hát (trong đó đi sâu giới thiệu về đặc điểm, cách hát và phương pháp rèn luyện kỹ thuật legato và non legato). Luyện thanh với các mẫu câu, mẫu âm khác nhau ở quãng 3, quãng 5, quãng 6 trên âm khu tự nhiên. Vận dụng kỹ thuật thanh nhạc kết hợp với hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh vào thể hiện bài luyện thanh và bài hát.

49. VMU2003, Thanh nhạc 2, 1 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: *VMU2002, Thanh nhạc 1, 1 tín chỉ*

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thanh nhạc 2 bao gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp xác định và phân loại giọng hát; âm khu giọng hát; phương pháp hát chuyển giọng; kỹ thuật phát âm, xử lý ngôn ngữ trong ca hát; kỹ thuật hát staccato. Luyện tập nâng cao các kỹ thuật thanh nhạc cơ bản nhằm mở rộng và phát triển giọng hát. Áp dụng các kiến thức, kỹ thuật ca hát vào thực hành luyện tập thể hiện có hiệu quả các tác phẩm thanh nhạc (bài luyện thanh, bài hát nước ngoài, bài hát Việt Nam).

50. VMU2018, Thanh nhạc 3, 1 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: VMU2003, Thanh nhạc 2, 1 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần gồm các nội dung chính sau: Giới thiệu và xây dựng kỹ thuật passage, kỹ thuật đóng tiếng của nam, kỹ thuật xử lý sắc thái to nhỏ... và mở rộng âm vực giọng hát. Cũng cố các kỹ thuật thanh nhạc đã học kết hợp với hơi thở và vị trí âm thanh để phát triển sự linh hoạt của giọng hát với sự đa dạng của các mẫu âm, bài luyện thanh và các tác phẩm, mở rộng âm vực giọng tới mức tối đa. Xử lý và thể hiện phong cách tác phẩm, phát huy sở trường và khả năng của SV. Hướng dẫn SV cách lựa chọn và tập bài hát.

51. VMU2019, Thanh nhạc 4, 1 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: VMU2018, Thanh nhạc 3, 1 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Thanh nhạc 4 trang bị cho sinh viên các nguyên tắc sư phạm thanh nhạc và một số phương pháp dạy học thanh nhạc. Cũng cố các kỹ thuật hát legato, staccato, passage... với những mẫu câu có nguyên âm, phụ âm phù hợp ở quãng 5, 6, 8, 9, 10 và trên quãng 10. Cũng cố hơi thở trên toàn âm khu giọng hát, luyện tập thống nhất âm thanh trên toàn bộ âm vực giọng hát. Luyện tập thể hiện các tác phẩm âm nhạc đa phong cách, các ca khúc trong nước và nước ngoài ở các thể loại khác nhau, có tiết tấu phức tạp, âm vực rộng, sắc thái phong phú.

52. MUS2085, Keyboard/Guitar 1, 1 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Keyboard:

- Biết cách khai thác một số tính năng nhạc cụ (đàn phím điện tử).
- Thực hiện các kỹ thuật cơ bản của đàn phím điện tử.
- Thực hiện phương pháp luyện tập các gam trưởng tự nhiên, thứ hòa thanh từ 0 đến 1 dấu hóa.
- Thực hiện phương pháp luyện tập các bài luyện ngón (Hanon, Etude) với các kỹ thuật cơ bản.
- Vận dụng cách thức sử dụng bộ đệm tự động hoặc không sử dụng bộ đệm tự động trong luyện tập một số tiểu phẩm/Tác phẩm.
- Xử lý sắc thái tiểu phẩm/Tác phẩm trên đàn phím điện tử.
- Sử dụng kỹ thuật đệm hát các ca khúc ở tiết điệu Waltz và March.

Guitar:

- Cấu tạo đàn Guitar và các tư thế chơi đàn
- Thực hiện các kỹ thuật và thế tay cơ bản của đàn Guitar.
- Thực hiện phương pháp luyện tập các gam trưởng tự nhiên và thứ hòa thanh/thứ giai điệu từ 0 đến 1 dấu hóa.
- Thực hiện phương pháp luyện tập các bài luyện ngón (Etude) với các kỹ thuật cơ bản.
- Xử lý sắc thái tiểu phẩm/tác phẩm trên đàn Guitar
- Sử dụng kỹ thuật đệm hát các ca khúc ở tiết điệu Boston và Waltz

53. MUS2086, Keyboard/Guitar 2, 1 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: MUS2085, Keyboard/Guitar 1, 1 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Keyboard

- Phân loại và thực hiện phương pháp luyện tập các gam trưởng tự nhiên từ 2-4 dấu thăng và gam thứ hòa thanh từ 2-4 dấu giáng.

-Sử dụng các kỹ thuật cơ bản vào luyện tập tiểu phẩm/Tác phẩm độc tấu Việt Nam và nước ngoài có hoặc không sử dụng bộ đệm tự động.

- Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát 1 số ca khúc ở các tiết điệu Disco, Slow Rock, Rumba, Pop Ballad.

Guitar

- Thực hiện phương pháp luyện tập các gam trưởng tự nhiên và thứ hòa thanh/thứ giai điệu từ 2-3 dấu hóa.

- Phân biệt, sử dụng các kỹ thuật cơ bản và luyện tập một số tiểu phẩm Việt Nam và nước ngoài.

- Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát một số ca khúc ở các tiết điệu Slow Rock, Fox, Ballad và Bebop.

54. MUS2087, Keyboard/Guitar 3, 1 tín chỉ

+ ***Môn học tiên quyết: MUS2086, Keyboard/Guitar 2, 1 tín chỉ***

+ ***Tóm tắt nội dung học phần:***

Keyboard

- Phân biệt và thực hiện phương pháp luyện tập các gam thứ hòa thanh từ 2 đến 4 dấu thăng và trưởng tự nhiên từ 2 đến 4 dấu giáng.

- Sử dụng các kỹ thuật cơ bản vào luyện tập độc tấu một số tác phẩm Việt Nam và nước ngoài có hoặc không sử dụng bộ đệm tự động.

-Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát một số ca khúc ở các tiết điệu Rock, Tango, Chachacha, Twist.

Guitar

- Thực hiện phương pháp luyện tập các gam trưởng tự nhiên và thứ hòa thanh/thứ giai điệu 4 dấu hóa.

- Phân biệt, sử dụng các kỹ thuật cơ bản và luyện tập một số tác phẩm Việt Nam và nước ngoài.

-Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát một số ca khúc ở các tiết điệu Disco, Bolero, Rock và Twist.

55. MUS2088, Keyboard/Guitar 4, 1 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2087, Keyboard/Guitar 3, 1 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Keyboard

- Phân biệt và lựa chọn cách thể hiện một số tác phẩm Việt Nam hoặc nước ngoài có hoặc không dùng bộ đệm tự động.

-Thực hiện cách đệm các ca khúc ở tiết điệu Regge, Swing, Techno, Bosanova.

Guitar

- Phân biệt, sử dụng các kỹ thuật cơ bản và luyện tập một số tác phẩm Việt Nam và nước ngoài.

-Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát một số ca khúc ở các tiết điệu Tango, Chachacha, Rumba/Swing và Bosanova/Samba.

IV.2. Các môn học tự chọn (6/12 tín chỉ):

56. MUS2030, Giới thiệu nhạc cụ, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học giới thiệu các nội dung về:

- Các bộ trong dàn nhạc giao hưởng.
- Các loại dàn nhạc giao hưởng.
- Các nhạc cụ dân tộc tiêu biểu.
- Một số hình thức dàn nhạc dân gian.
- Một số nhạc cụ điện tử thông dụng.

57. MUS2082, Nhạc cụ tự chọn, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2085, Keyboard/Guitar 1, 1 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng chơi đàn cơ bản

- Biết cách khai thác một số tính năng nhạc cụ
- Thực hiện các kỹ thuật cơ bản trong diễn tấu nhạc cụ
- Vận dụng kỹ thuật cơ bản vào luyện tập các tiêu phẩm/Tác phẩm.
- Thực hiện phương pháp soạn đệm và đệm hát 1 số tiết điệu cơ bản.

58. MUS2063, Hoà tấu, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2086, Keyboard/Guitar 2, 1 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ năng phối hợp giữa các nhạc cụ/bè với nhau

- Biết cách phân tích và lựa chọn âm sắc của các nhạc cụ để phối hợp với nhau.
- Tổ chức thực hiện luyện tập tác phẩm theo nhóm.

59. VMI2006, Đệm đàn 1, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng đệm hát cơ bản

- Lựa chọn được cách chọn tiết tấu phù hợp cho ca khúc .
- Phân loại cách chọn hợp âm phù hợp cho ca khúc.
- Soạn ra phần đệm hát cho ca khúc.
- Môn học giúp sinh viên nâng cao khả năng sử dụng đàn để đệm ca khúc:
- Thực hiện cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết
- Tạo nên sự ngẫu hứng và phong phú phần đệm hát

60. VMI2007, Đệm đàn 2, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: VMI2006, Đệm đàn 1, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học cung cấp và trau dồi cho SV kỹ năng đệm hát, soạn đệm từ đơn giản đến phức tạp. phù hợp với khả năng của từng sinh viên

- Chỉ ra cho sinh viên biết cách soạn đệm đúng cơ bản, chọn tiết tấu, chọn hợp âm cho phù hợp với từng phong cách và tính chất của ca khúc. Biết cách soạn dạo đầu, dạo giữa và kết. Có khả năng ngẫu hứng theo vòng hoà âm cho trước để phù hợp với ca khúc. Biết ứng dụng và sử dụng các tính năng của guitar pro và band in a box) để hoàn thiện phần soạn đệm

- Hướng dẫn luyện tập và kiểm tra đánh giá phần thực hành đệm hát của sinh viên, đảm bảo sinh viên biết cách đệm hát các ca khúc phổ thông ở các thể loại và phong cách khác nhau.

61. VMU2011, Thực hành biểu diễn, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức:

- Phương pháp thể hiện
- Quy tắc thực hành biểu diễn trên sân khấu
- Kỹ thuật diễn xuất nội tâm và hình thể
- Giải phóng cơ thể khi hát

V. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm (19 tín chỉ)

V.1 Các môn học bắt buộc (15 tín chỉ)

62. MUS2031, Phương pháp dạy học âm nhạc 1, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: PPE2002, Giáo dục học, 3 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Cung cấp những cơ sở lý luận, các phương pháp dạy học và giáo dục âm nhạc trong nhà trường phổ thông:

- Giáo dục âm nhạc trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam.
- Đặc điểm khả năng âm nhạc của học sinh phổ thông và của sinh viên các trường đào tạo sư phạm âm nhạc.
- Lý luận dạy học âm nhạc

- Phương pháp dạy học truyền thống, phương pháp dạy học tích cực, dạy học theo phát triển năng lực.

- Nội dung dạy học âm nhạc trong nhà trường phổ thông

63. MUS2065, Phương pháp dạy học âm nhạc 2, 3 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2031, Phương pháp dạy học âm nhạc 1, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Phương pháp tổ chức dạy các hoạt động âm nhạc (hát, nghe nhạc, đọc nhạc, nhạc cụ, lý thuyết âm nhạc, thường thức âm nhạc):

- Thiết kế các hoạt động dạy học âm nhạc
- Thực hiện dạy các hoạt động âm nhạc ở từng nội dung và một tiết dạy âm nhạc.
- Cung cấp cho sinh viên qui trình và cách thức hình thành một số kỹ năng trong hoạt động sư phạm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thiết kế hoạt động giáo dục, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm...

64. PPE2001, Tâm lý học, 4 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Tâm lý học gồm 2 phần:

Phần 1: Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý, giúp người học hiểu được bản chất hiện tượng tâm lý người; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; các quá trình hoạt động nhận thức, trí nhớ, ngôn ngữ; Nhân cách và các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.

Phần 2: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; điều kiện phát triển và những đặc điểm tâm lý cơ bản lứa tuổi học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở (thiếu niên) và học sinh trung học phổ thông (đầu thanh niên); những vấn đề cơ bản của tâm lý học dạy học, của tâm lý học giáo dục đạo đức, các kỹ thuật hỗ trợ tâm lý học đường.

65. PPE2002, Giáo dục học, 3 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: PPE2001, Tâm lý học, 4 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung, khái quát và cơ bản nhất về Giáo dục học: giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, các khái niệm cơ bản của Giáo dục học, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; chức năng xã hội và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI; giáo dục và sự phát triển cá nhân; mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học và giáo dục.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục và công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Hình thành cho sinh viên những quan điểm, niềm tin, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với chuẩn mực xã hội; thiết kế được kế hoạch dạy học/ giáo dục để đạt được những kết quả tối ưu trong những điều kiện xã hội nhất định.

66. PPE2028, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, 3 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: PPE2002, Giáo dục học, 3 tín chỉ

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần chỉ ra nội dung, cách thức tổ chức rèn luyện các kỹ năng chung cho sinh viên sư phạm nghệ thuật nhằm góp phần hình thành và hoàn thiện năng lực sư phạm cho sinh viên. Đồng thời cung cấp cho sinh viên quy trình và cách thức hình thành một số kỹ năng có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động sư phạm, đối với cuộc sống như: Tác phong văn hóa sư phạm; Kỹ năng viết và trình bày bảng; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng giao tiếp sư phạm; Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục; Kỹ năng kiểm tra, đánh giá trong giáo dục.

V.2. Các môn học tự chọn (4/6 tín chỉ)

67. PPE2004, Tâm lý học nghệ thuật, 2 tín chỉ

+ Môn học tiên quyết: không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật cung cấp cho sinh viên góc nhìn của Tâm lý học về nghệ thuật, đồng thời giúp sinh viên tiếp cận được với các xu hướng Tâm lý học trong nghiên cứu nghệ thuật.

Học phần Tâm lý học Nghệ thuật giúp sinh viên hiểu được các quá trình tâm lý đặc trưng trong sáng tạo nghệ thuật; Phân biệt được xúc cảm và tình cảm trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật

Học phần làm rõ các biểu hiện vô thức và đánh giá vai trò của vô thức trong hoạt động sáng tạo, Năng lực sáng tạo của người nghệ sỹ cũng như các biện pháp phát triển năng khiếu, năng lực sáng tạo nghệ thuật.

68. MUS2084, Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2065, Phương pháp dạy học âm nhạc 2, 3 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này giới thiệu và tạo điều kiện cho sinh viên thực hành các mô hình trải nghiệm âm nhạc ở trong và ngoài trường phổ thông... Hướng dẫn cách thức xây dựng kế hoạch, mô hình tổ chức và thực hành các hoạt động trải nghiệm âm nhạc.

69. MUS2014, Thực tế sáng tác, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học trang bị cho sinh viên có kiến thức sáng tác tác phẩm âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế ở các trường phổ thông, các hoạt động sáng tác trong thực tiễn từ các chương trình biểu diễn, ngoại khóa...

VI. Khôi kiến thức thực tập sư phạm (M6) (6 tín chỉ)

70. MUS2046, Thực tập sư phạm 1, 2 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: PPE 2028, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, 3 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Thực tập Sư phạm 1 nhằm mục tiêu cho sinh viên sư phạm tiếp xúc với thực tế giáo dục, có cách nhìn tổng quát về hoạt động của các trường phổ thông, về các mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, về nhiệm vụ của giáo viên và những yêu cầu cần phải phấn đấu để trở thành giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt. Giúp cho sinh viên sư phạm bước đầu được làm quen với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục trong và ngoài lớp, một số kỹ thuật dạy học đặc trưng

của mỗi môn học, bậc học, ngành học, được thực hành, luyện tập các kỹ năng sư phạm, làm cơ sở để hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm của người giáo viên.

Học phần bao gồm 3 nội dung:

- * Tìm hiểu về thực tế giáo dục hiện nay.
- * Thực tập chủ nhiệm lớp và công tác Đội
- * Thực tập giảng dạy với mỗi sinh viên, bao gồm các hoạt động:
 - Tham gia dự ít nhất 04 giờ có giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực tập.
 - Soạn bài và tham gia tập giảng từ 2 - 4 tiết
 - Thực hiện giảng dạy trên lớp tối thiểu 1 tiết.

71. MUS2047, Thực tập sư phạm 2, 4 tín chỉ

+ *Môn học tiên quyết: MUS2046, Thực tập sư phạm 1, 2 tín chỉ*

+ *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần Thực tập Sư phạm 2 nhằm mục tiêu cho sinh viên sư phạm tiếp xúc với thực tế giáo dục, có cách nhìn tổng quát về hoạt động của các trường phổ thông, về các mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, về nhiệm vụ của giáo viên và những yêu cầu cần phải phấn đấu để trở thành giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt. Giúp cho sinh viên sư phạm bước đầu được làm quen với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục trong và ngoài lớp, một số kỹ thuật dạy học đặc trưng của mỗi môn học, bậc học, ngành học, được thực hành, luyện tập các kỹ năng sư phạm, làm cơ sở để hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm của người giáo viên.

Học phần bao gồm 3 nội dung:

- * Tìm hiểu về thực tế giáo dục hiện nay.
- * Thực tập chủ nhiệm lớp và công tác Đội
- * Thực tập giảng dạy với mỗi sinh viên, bao gồm các hoạt động:
 - Tham gia dự ít nhất 01 giờ dạy mẫu của giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực tập; dự 2 - 4 giờ dạy của giáo viên hướng dẫn và các thực tập sinh khác.
 - Soạn bài và tham gia tập giảng ít nhất 3 tiết.
 - Thực hiện giảng dạy trên lớp ít nhất 3 tiết.

VI. Khối kiến thức cuối khóa (M7): 07 tín chỉ

72. MUS 2077, Khóa luận/ Hoạt động Sư phạm âm nhạc tổng hợp, 07 tín chỉ

Hoạt động 1: Hoạt động dạy học âm nhạc theo chủ đề trong các cơ sở giáo dục âm nhạc phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật

Nội dung 1: Thiết kế các hoạt động dạy học âm nhạc theo chủ đề trong các cơ sở giáo dục âm nhạc phổ thông các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật

- Xác định môi trường giáo dục và trình độ âm nhạc của đối tượng được giáo dục.
- Xác định được mục tiêu chung và mục tiêu riêng của từng hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng được giáo dục.
- Xây dựng và mô tả chi tiết các nội dung dạy học âm nhạc: Hát, Đọc nhạc, Nghe nhạc, Nhạc cụ, Lý thuyết âm nhạc, Thường thức âm nhạc,... phù hợp với chủ đề.
- Lập kế hoạch thực hiện:
 - + Thời gian thực hiện
 - + Tiến độ thực hiện
 - + Quy trình thực hiện

Nội dung 2: Thực hiện các hoạt động dạy học âm nhạc đã được thiết kế theo chủ đề

- Sử dụng phương tiện dạy học âm nhạc
 - + Sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc phù hợp
 - + Những phương pháp đặc trưng của dạy học âm nhạc
 - + Những phương pháp dạy học âm nhạc tích cực
- Thể hiện kiến thức và kỹ năng thực hành âm nhạc
 - + Thể hiện kiến thức âm nhạc vững vàng
 - + Thể hiện các kỹ năng âm nhạc phù hợp cho từng nội dung dạy học
 - + Thể hiện sự chú ý, hấp dẫn, cuốn hút,... đối với người học
- Xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình dạy học âm nhạc

Hoạt động 2: Hoạt động âm nhạc ngoại khoá theo chủ điểm trong các cơ sở giáo dục âm nhạc phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật

Nội dung 1: Thiết kế các hoạt động âm nhạc ngoại khoá theo chủ điểm trong các cơ sở giáo dục âm nhạc phổ thông các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật

- Xác định môi trường giáo dục và trình độ âm nhạc của đối tượng giáo dục.

- Xác định được mục tiêu chung và mục tiêu riêng của từng hoạt động âm nhạc ngoại khoá phù hợp với đối tượng giáo dục

- Xây dựng và mô tả chi tiết các nội dung hoạt động âm nhạc ngoại khoá theo chủ điểm: Giới thiệu và quảng bá các tác phẩm âm nhạc có giá trị nghệ thuật; Giới thiệu các nhạc sĩ, nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu Việt Nam và thế giới; Giới thiệu các loại nhạc cụ của Việt Nam và thế giới; Giới thiệu phong cách trình diễn âm nhạc (cổ điển - thính phòng; âm hưởng dân gian; nhạc nhẹ...)

Nội dung 2: Thực hiện các hoạt động âm nhạc ngoại khoá đã được thiết kế theo chủ điểm

- Sử dụng phương pháp trình diễn âm nhạc phù hợp
- + Những phương pháp của trình diễn âm nhạc (thị phạm, trình bày tác phẩm...)
- + Những phương pháp hướng dẫn tích cực trong trình diễn âm nhạc.
- + Thể hiện kiến thức và kỹ năng trong trình diễn âm nhạc
- Xử lý các tình huống trong quá trình hoạt động âm nhạc ngoại khoá.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

4.1. Về tiến trình đào tạo

Người quản lý đào tạo căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí môn học, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên môn học, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc được tổ chức triển khai theo mô hình đào tạo kết hợp. Toàn bộ chương trình được triển khai thực hiện với sự phối hợp giữa trường ĐHSP Nghệ Thuật TW và các đơn vị tham gia đào tạo theo sự phân công của trường

Sau đây là dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiến trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27								
1	POL2009	Triết học Mác – Lênin	3		x						

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiền trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mac – Lênin	2			x					
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				x				
4	POL2003	Tư tưởng HCM	2					x			
5	POL2013	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2						x		
6	POL2007	Pháp luật đại cương	2						x		
7	INF2001	Tin học cơ bản	2	x							
8	CFL.2001	Tiếng Anh 1	4	x							
9	CFL.2002	Tiếng Anh 2	3		x						
10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	x							
11	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3		x						
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng									
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)	13								
II.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	9								
13	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnam Cultural Facilities	3		x						
14	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật General Arts	2	x							
15	MUS2002	Mỹ học Aesthetics	2		x						
16	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methods	2			x					
II.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	4/6								
17	PPE2003	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2						x		
18	CFL2008	Tiếng Việt thực hành Vietnamese Practice	2	x							
19	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2					x			
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	22								
III.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	20								
20	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	x							

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiền trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Music theory 1									
21	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2		x						
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2			x					
23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2				x				
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam Vietnam music	2					x			
25	VMU2001	Dân ca Singing folk song	2				x				
26	MUS2011	Múa Dancing	3	x	x						
27	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành Technical English	2						x		
28	MUS2001	Tin học chuyên ngành Specialized informatics	2			x					
		Các môn học tự chọn	2/8								
29	MUS2074	Chuyển soạn cho hợp xướng Choral Arranging	2						x		
30	MUS2016	Dân tộc nhạc học Ethnomusicology	2						x		
31	CLM2003	Văn hoá học đại cương General cultural studies	2	x							
32	CLM2016	Văn hoá dân gian Việt Nam Vietnamese folk culture	2				x				
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	45								
IV.1		Các môn học bắt buộc	39								
33	MUS2017	Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2	x							
34	MUS2018	Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2		x						
35	MUS2019	Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2			x					
36	MUS2020	Ký xướng âm 4	2				x				

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiền trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Tonic Sol-fa notation 4									
37	MUS2021	Ký xướng âm 5 Tonic Sol-fa notation 5	2					x			
38	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2			x					
39	MUS2023	Hòa thanh 2 Harmony 2	2				x				
40	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2				x				
41	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3					x			
42	MUS2012	Sáng tác Composition	2							x	
43	MUS2080	Hợp xướng 1 Choral 1	2		x						
44	MUS2081	Hợp xướng 2 Choral 2	2			x					
45	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng Choral conducting	2					x	x		
46	MUS2066	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Synthetic staging 1	2							x	
47	MUS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2 Synthetic staging 2	2								x
48	VMU2002	Thanh nhạc 1 Vocal music 1	1	x	x						
49	VMU2003	Thanh nhạc 2 Vocal music 2	1			x	x				
50	VMU2018	Thanh nhạc 3 Vocal music 3	1					x	x		
51	VMU2019	Thanh nhạc 4 Vocal music 4	1							x	x
52	MUS2085	Keyboard/Guitar 1	1	x	x						
53	MUS2086	Keyboard/Guitar 2	1			x	x				
54	MUS2087	Keyboard/Guitar3	1					x	x		
55	MUS2088	Keyboard/Guitar 4	1							x	x
IV.2		Các môn học tự chọn	6/12								
56	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2	x							

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiền trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
57	MUS2082	Nhạc cụ tự chọn Instrument of choice	2			x	x				
58	MUS2063	Hoà tấu Ensembling instrument	2					x	x		
59	VMI2006	Đệm đàn 1 Accompanying instrument 1	2			x					
60	VMI2007	Đệm đàn 2 Accompanying instrument 2	2				x				
61	VMU2011	Thực hành biểu diễn Practice performance	2					x			
V	M5	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm	19								
<i>V.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	15								
62	MUS2031	Phương pháp dạy học âm nhạc 1 Teaching methods for music 1	2				x				
63	MUS2065	Phương pháp dạy học âm nhạc 2 Teaching methods for music 2	3					x			
64	PPE2001	Tâm lý học General Psychology	4	x							
65	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3		x						
66	PPE2028	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3					x			
<i>V.2</i>		<i>Các môn học tự chọn</i>	4/6								
67	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2						x		
68	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc Activities outside the classroom	2						x		
69	MUS2014	Thực tế sáng tác	2							x	
VI	M6	Khối kiến thức thực tập sư phạm	6								
70	MUS2046	Thực tập sư phạm 1 Practicum 1	2						x		
71	MUS2047	Thực tập sư phạm 2	4							x	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Tiền trình đào tạo theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Praticum 2									
VII		<i>Khối kiến thức cuối khóa</i>	7/7								
72	MUS2077	<i>Khóa luận tốt nghiệp/</i> Hoạt động Sư phạm Âm nhạc tổng hợp <i>Graduation</i>	7								x
		Tổng cộng	139								

Căn cứ vào tình hình cụ thể, người quản lý đào tạo có thể điều chỉnh kế hoạch đào tạo từng học kỳ một cách hợp lý theo đúng Quy chế.

4.2. Về các môn học tiên quyết:

Trong khi tổ hợp kế hoạch đào tạo của ngành Sư phạm Âm nhạc với kế hoạch chung của toàn trường, cần lưu ý các môn học tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký môn học của sinh viên cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

4.3. Về các môn học tự chọn

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc được thiết kế gồm các môn học bắt buộc và tự chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Chủ nhiệm Khoa sẽ định hướng sinh viên trong việc lựa chọn các môn học thuộc nhóm các môn học tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng sinh viên đăng ký lựa chọn mỗi môn học để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

4.4. Chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập

Việc lựa chọn, bố trí các môn học cho từng học kỳ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá mức quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành.
- Đảm bảo yêu cầu về môn học tiên quyết như đã xác định trong Khung chương trình đào tạo.
- Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất.
- Phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của toàn trường.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy tín chỉ của sinh viên.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

5.1. Tài liệu:

5.1.1. Tài liệu về Phương pháp dạy học âm nhạc:

- Sarah Hennessy (2002), Music 7 – 11. Developing primary teaching skills, London and New York.
- Donna Minto (2009), Games, Ideas and Activities for Primary Music, United Kingdom.
- Mícheál Houlihan – Philip Tacka (1998), Zoltán Kodály a guide to research, London and New York

5.1.2. Chương trình đào tạo: Ngành Sư phạm Âm nhạc - Trường Đại học sư phạm Hà Nội

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Ngành Sư phạm Âm nhạc)

1. Cấu trúc chương trình

Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.1. Khối học vấn chung (chưa kể học phần Giáo dục thể chất, Quản lí nhà nước và quản lí ngành)	35
1.1.1. Khối học vấn chung toàn trường	25
1.1.2. Khối học vấn chung nhóm ngành (Khoa học xã hội nhân văn)	10
1.2. Khối học vấn nghiệp vụ sư phạm	35
1.2.1. Khối học vấn cơ sở chung	13
1.2.2. Khối học vấn ngành	10
1.2.3. Thực hành sư phạm	12
1.3. Khối học vấn ngành	66
1.3.1. Các học phần bắt buộc	40
1.3.2. Các học phần tự chọn	20
1.3.4. Các học phần cuối khoá	6
Tổng số tín chỉ	136

2. Khung chương trình

TT	Tên học phần	Mã học phần	Học Kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết
A	KHỐI HỌC VẤN CHUNG			35	
I	Khối học văn chung toàn trường			25/35	
	Bắt buộc			23/25	
1	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3	
2	Kinh tế chính trị	POLI 104	1	2	COMM 403
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	COMM 403, POLI 104
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	2	COMM 403, POLI 221, POLI 104
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	2	COMM 403, POLI 221, POLI 104
6	Ngoại ngữ 1 (3/6 tín chỉ)			3/6	
6a	Tiếng Anh 1	CFL.2001	1	4	Không
6b	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	
6c	Tiếng Nga 1	RUSS 105	1	3	
6d	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	
7	Ngoại ngữ 2 (3/6 tín chỉ)			3/6	
7a	Tiếng Anh 2	CFL.2002	2	3	CFL.2001
	Tiếng Anh chuyên ngành	CFL2005	2	6	CFL.2002
	Tiếng việt thực hành	CFL2008	5	5	Không
	Tin học cơ bản	CFL.2001	1	2	Không
7b	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	FREN 104
7c	Tiếng Nga 2	RUSS 106	2	3	RUSS 105
7d	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	CHIN 105
8	Tâm lý giáo dục học	PSYC 101	1	4	
9	Thống kê xã hội học	MATH 137	1	2	
10	Tự chọn (2/6 tín chỉ)			2/6	
10a	Tin học đại cương	COMP 103	1	2	
10b	Tiếng Việt thực hành	COMM 106	1	2	
10c	Nghệ thuật đại cương	COMM 107	1	2	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Học Kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết
11	Giáo dục thể chất				
11a	Giáo dục thể chất 1	PHIE 150	1	1	
11b	Giáo dục thể chất 2	PHIE 151	2	1	
11c	Giáo dục thể chất 3	PHIE 250	3	1	
11d	Giáo dục thể chất 4	PHIE 251	4	1	
12	Giáo dục quốc phòng (TT05-18/3/2020-Bộ GD&ĐT)				
12a	Đường lối Quốc phòng và An ninh của ĐCSVN	DEFE 105		3	
12b	Công tác quốc phòng và an ninh	DEFE 106		2	
12c	Quân sự chung	DEFE 205		2	
12d	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEFE 206		4	
II	Khối học văn chung nhóm ngành			10/35	
13	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	COMM 103	1	2	
14	Nhân học đại cương đại	COMM 108	2	2	
15	Xã hội học đại cương	COMM 109	2	2	
16	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COMM 105	1	2	
17	Lịch sử văn minh thế giới	COMM 110	2	2	
B	KHỐI HỌC VĂN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			35	
I	Khối học văn cơ sở chung			13/35	
	Bắt buộc (9/35)			9/35	
18	Giáo dục học	PSYC 102	3	3	PSYC 101
19	Lí luận dạy học	COMM 201	3	2	PSYC 101
20	Đánh giá trong giáo dục	COMM 003	5	2	COMM201
21	Thực hành kỹ năng giáo dục	COMM 301	4	2	PSYC 102
	Tự chọn (4/25)			4/35	
22	Giao tiếp sư phạm	PSYC 104	4	2	PSYC 102
23	Phát triển mối quan hệ nhà trường	PSYC 104-B	4	2	PSYC 102

TT	Tên học phần	Mã học phần	Học Kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết
24	Phát triển chương trình nhà trường	COMM 004	7	2	PSYC 102
25	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	COMM 004-B	7	2	PSYC 102
II	Khối học văn ngành			10/35	
26	Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	MUSI 240	3	4	
27	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Âm nhạc	MUSI 241	4	3	MUSI 240
28	Tổ chức dạy học môn Âm nhạc	MUSI 335	5	3	MUSI 241
III	Thực hành sư phạm			12/35	
29	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	COMM 001		3	
30	Thực hành dạy học Âm nhạc tại trường Sư phạm	MUSI 345	6	3	MUSI 335
31	Thực tập SP 1	COMM 013	7	3	
32	Thực tập SP 2	COMM 014	7	3	
C	KHỐI HỌC VĂN CHUYÊN NGÀNH			66	
I	Các học phần bắt buộc			40/66	
	<i>Lí thuyết/Lí luận</i>			16/40	
33	Lí thuyết Âm nhạc cơ bản 1	MUSI 121	1	2	
34	Lí thuyết Âm nhạc cơ bản 2	MUSI 122	2	2	MUSI 121
35	Lịch sử Âm nhạc phương Tây	MUSI 225	2	3	MUSI 121
36	Hoà âm cơ bản	MUSI 221	3	3	MUSI 122
37	Lịch sử Âm nhạc Việt Nam	MUSI 322	4	2	MUSI 121
38	Phân tích tác phẩm âm nhạc 1	MUSI 248	4	2	MUSI 221
39	Phân tích tác phẩm âm nhạc 2	MUSI 324	5	2	MUSI 223
	<i>Bài tập/Thực hành</i>			24/40	
40	Kí – Xướng âm 1	MUSI 123	1	2	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Học Kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết
41	Kí – Xướng âm 2	MUSI 124	2	2	MUSI 123
42	Kí – Xướng âm 3	MUSI 349	3	2	MUSI 124
43	Thanh nhạc 1	MUSI 125	1	1	
44	Thanh nhạc 2	MUSI 126	2	1	MUSI 125
45	Thanh nhạc 3	MUSI 227	3	1	MUSI 126
46	Thanh nhạc 4	MUSI 228	4	1	MUSI 227
47	Thanh nhạc 5	MUSI 326	5	1	MUSI 227
48	Piano – E.Keyboard 1	MUSI 350	1	1	
49	Piano – E.Keyboard 2	MUSI 351	2	1	MUSI 350
50	Piano – E.Keyboard 3	MUSI 352	3	1	MUSI 351
51	Piano – E.Keyboard 4	MUSI 353	4	1	MUSI 352
52	Piano – E.Keyboard 5	MUSI 354	5	1	MUSI 353
53	Hát Hợp xướng	MUSI 355	2	2	MUSI 123
54	Chỉ huy Hợp xướng	MUSI 356	4	2	MUSI 355
55	Múa chất liệu	MUSI 231	3	2	
56	Biên đạo, dàn dựng Múa	MUSI 233	5	2	MUSI 231
II	Các học phần tự chọn (Chọn 20/45 tín chỉ)			20/66	
	Lí thuyết/Lí luận			10	
57	Âm nhạc phương Tây Cận – Hiện đại	MUSI 357	3	2	MUSI 225
58	Phương pháp NCKH Giáo dục Âm nhạc	MUSI 358	3	2	
59	Âm nhạc Phương Đông	MUSI 359	4	2	
60	Giới thiệu nhạc cụ	MUSI 325	5	2	MUSI 121
61	Mĩ thuật đại cương	ARTS 222	2	2	
	Bài tập/Thực hành			35	
62	Ký – Xướng âm 4	MUSI 222	4	2	MUSI 124
63	Phương pháp dàn dựng Chương trình Nghệ thuật tổng hợp	MUSI 360	6	3	MUSI 233
64	Thanh nhạc nâng cao 1	MUSI 361	6	1	MUSI 326
65	Thanh nhạc nâng cao 2	MUSI 421	7	1	MUSI 327

TT	Tên học phần	Mã học phần	Học Kỳ	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết
66	Piano – E.Keyboard nâng cao 1	MUSI 362	6	1	MUSI 328
67	Piano – E.Keyboard nâng cao 2	MUSI 363	7	1	MUSI 362
68	Guitar 1	MUSI 364	1	1	
69	Guitar 2	MUSI 339	2	1	MUSI 364
70	Guitar 3	MUSI 340	3	1	MUSI 339
71	Guitar 4	MUSI 341	4	1	MUSI 340
72	Guitar 5	MUSI 342	5	1	MUSI 341
73	Hoà tấu 1	MUSI 343	5	2	MUSI 128
74	Hoà tấu 2	MUSI 344	6	2	MUSI 343
75	Hoà âm ứng dụng	MUSI 365	4	2	MUSI 221
76	Phối Hợp xướng	MUSI 366	5	2	MUSI 122
77	Sáng tác Ca khúc	MUSI 425	6	2	MUSI 122
78	Chuyên đề	MUSI 422	6	2	MUSI 123
79	Vĩ tính âm nhạc	MUSI 367	5	2	MUSI 121
80	Phối ca khúc trên máy tính	MUSI 368	8	2	MUSI 221
81	Dàn dựng và biểu diễn Hợp xướng	MUSI 332	6	2	MUSI 426
82	Tiếng Anh chuyên ngành	ENGL 329	6	2	ENGL 201
83	Thực tế chuyên môn Âm nhạc	MUSI 333	6	1	MUSI 121
	Các học phần cuối khoá			6/66	
84	Kiến thức Âm nhạc tổng hợp	MUSI 493	8	2	
85	Thanh nhạc cuối khoá	MUSI 453	7 – 8	2	
86	Nhạc cụ cuối khoá	MUSI 454	7 – 8	2	

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Trình bày theo đúng thứ tự các khối kiến thức, học phần trong mục 2. Cấu trúc chương trình đào tạo)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27					
1	POL2009	Triết học Mác-Lênin	3	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		Thạc sĩ, 2011 Thạc sĩ, 2012	Triết học CNXHKKH	
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1. Nguyễn Thị Huyền 2. Trịnh Anh Tuấn		Thạc sĩ, 2011 Tiến sĩ, 2022	KTCT Kinh tế	
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Đinh Văn Hoàng 2. Phạm Ngọc Anh		Thạc sĩ, 2011 Thạc sĩ, 2012	Triết học CNXHKKH	
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Phạm Ngọc Anh 2. Mai Thanh Hồng		Thạc sĩ, 2012 Thạc sĩ, 2011	CNXHKKH Lịch sử	
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	1. Mai Thanh Hồng 2. Phạm Ngọc Anh		Thạc sĩ, 2011 Thạc sĩ, 2012	Lịch sử CNXHKKH	
6	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1. Lê Thị Nguyên 2. Nguyễn Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ, 2016 Thạc sĩ, 2008	Luật học Luật học	

7	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Lê Mạnh Hùng 2. Bùi Ngọc Hưng 3. Vũ Việt Hoàng 4. Dương Thanh Long		1.Thạc sĩ-2014 2.Thạc sĩ-2015 3.Thạc sĩ-2021 4.Thạc sĩ-2017	1.Quản trị kinh doanh 2.Quản lý Giáo dục 3.Công nghệ thông tin 4.Khoa học máy tính	
8	CFL.2001	Tiếng Anh 1	2	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		1. Thạc sĩ, 2015 2. Thạc sĩ, 2011 3.Tiến sĩ, 2017 4.Tiến sĩ , 2017 5. Thạc sĩ, 2016 6. Thạc sĩ, 2007 7. Thạc sĩ, 2014 8. Tiến sĩ, 2021 9. Thạc sĩ, 2016	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh 2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Tiến sĩ Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
9	CFL.2002	Tiếng Anh 2	2	1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung		1. Thạc sĩ, 2015 2. Thạc sĩ, 2011 3. Tiến sĩ, 2017	1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh	

				4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền 7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		4. Tiến sĩ, 2017 5. Thạc sĩ, 2016 6. Thạc sĩ, 2007 7. Thạc sĩ, 2014 8. Tiến sĩ, 2021 9. Thạc sĩ, 2016	2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Tiến sĩ Quản lý giáo dục. 5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh. 6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Lê Việt Hùng 3. Bùi Thị Huyền 4. Nguyễn Minh Trâm 5. Phạm Thị Huyền Trang 6. Bùi Thị Ánh Tuyết		ThS, 2014 ThS, 2021 ThS, 2013 ThS, 2015 ThS, 2018 ThS, 2017	Quản lý giáo dục Giáo dục học GDTC GDTC GDTC Giáo dục học	
11	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	2	1. Phạm Minh Tuấn 2. Lê Việt Hùng 3. Bùi Thị Huyền		ThS, 2014 ThS, 2021 ThS, 2013	Quản lý giáo dục Giáo dục học GDTC	

				4. Nguyễn Minh Trâm 5. Phạm Thị Huyền Trang 6. Bùi Thị Ánh Tuyết		ThS, 2015 ThS, 2018 ThS, 2017	GDTC GDTC Giáo dục học	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng						
II	M2	Khởi kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	13					
II.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	9					
13	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam		1. Nguyễn Hữu Thức 2. Nguyễn Thị Thanh Loan 3. Dương Thu Hà	PGS, 2012 PGS, 2020	TS, 1996 TS, 2020 TS,	1. Văn hóa học 2. Văn hóa học 3. Văn hóa học	
14	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Trần Vĩnh Khương 3. Lại Hồng Phong 4. Nguyễn Thị Thu Hằng 5. Nguyễn Văn Định	PGS, 2014	1. TS, 2009 2. ThS, 2008 3. ThS, 2015 4. TS, 2018 5. TS, 2018	1. Văn hóa học, nghệ thuật 2. Lý luận & PP dạy học AN 3. Lý luận & PP dạy học AN 4. Quản lý giáo dục 5. Văn hóa học	
15	MUS2002	Mỹ học	2	1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Trần Vĩnh Khương 3. Lại Hồng Phong	PGS, 2014	1. TS, 2009 2. ThS, 2008 3. ThS, 2015	Văn hóa học Văn hóa học Văn hóa học	

				4. Nguyễn Văn Định		4. TS, 2018	Văn hóa học	
16	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Đỗ Ánh Tuyết 3. Lương Thị Thanh Hải 4. Nguyễn Quỳnh Trang		TS, 2016 ThS, 2008 TS, 2018 ThS, 2009	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
II.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	4/6					
17	PPE2003	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GDĐT	2	1. Nguyễn Thị Thanh Thủy 2. Lê Thị Nguyên		ThS, 2008 ThS, 2016	Luật học Luật học	
18	CFL2008	Tiếng việt thực hành	2	1. Lê Thị Mỹ Hạnh 2. Hà Thị Thu Hà		1. TS, 2019 2. ThS, 2008	1. Ngôn ngữ học 2. Văn học	
19	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	1. Vũ Thị Thái Hoa 2. Nông Thị Thanh Thúy		ThS, 2013 ThS, 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
III		Khối kiến thức cơ sở ngành	22					
III.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	20					
20	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	1. Mai Linh Chi		1. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc	

				2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần Thị Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Thị Thu Trang B 8. Phạm Xuân Cảnh		2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014 8. ThS, 2022	2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học 8. LL & PPDHAN	
21	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Trần Thị Thanh Hương 5. Phạm Thu Hường 6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Thị Thu Trang B 8. Phạm Xuân Cảnh		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2011 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014 8. ThS, 2022	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Âm nhạc học 8. LL & PPDHAN	
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần Thị Thanh Hương 4. Nghiêm Thị Hồng Hà 5. Vũ Kim Thu	1. PGS, 2014	1. TS, 2011 2. ThS, 2013 3. ThS, 2010 4. ThS, 2011 5. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc	

23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Đoàn Thị Thu Hà 3. Trần Thị Thanh Hương 4. Nghiêm Thị Hồng Hà	PGS,2014	1.TS, 2011 2. ThS, 2013 3. ThS, 2010 4.ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Văn hóa học 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc	
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	1. Phạm Thu Hường 2. NguyễnThị Thu Trang A 3. Nguyễn Thị Phương Mai 4. Đoàn Thị Thu Hà		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2013	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Văn hóa học	
25	VMU2001	Dân ca	2	1. Đặng Thị Lan 2. Trần Thị Thảo 3. Đào Thị Khánh Chi 4. Ngân Thị Thương		1.TS, 2020 2.ThS, GVC, 200 3. ThS, 2014 4. ThS, 2010	1. LL & PPDHAN 2. Văn hóa học 3. Lý luận & PPDHAN 4. Văn hóa học	
26	MUS2011	Múa	3	1. Nguyễn Thị Quỳnh Phương 2. Phạm Ngọc Thuỳ		1. ThS, 2016 2. ThS,	1. Nghệ thuật sân khấu 2. BD múa	
27	CFL2005	Tiếng anh chuyên ngành		1. Nguyễn Thị Ân 2. Phạm Thị Ngọc Bích 3. Nguyễn Thanh Dung 4. Trịnh Thị Hà 5. Hoàng Thị Thu Hằng 6. Lê Thị Hiền		1. ThS, 2015 2. ThS, 2011 3. TS, 2017 4. TS, 2017 5. TS, 2016 6. TS, 2007	1. LL&PP dạy tiếng Anh 2. LL&PP dạy tiếng Anh 3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. 4. Quản lý giáo dục. 5. LL&PP dạy tiếng Anh	

				7. Ngô Thị Hòa 8. Trương Tổ Loan 9. Phạm Thị Lý		7. ThS, 2014 8. TS, 2021 9. ThS, 2016	6. Ngôn ngữ Anh 7. Ngôn ngữ Anh 8. Quản lý giáo dục. 9. Ngôn ngữ Anh	
28	MUS2001	Tin học chuyên ngành	2	1. Nguyễn Khải 2. Lương Minh Tân 3. Phạm Bá Sản		1. ThS, 2015 2. ThS, 2010 3. ThS, 2014	1. LL&PPDHAN 2. Sáng tác 3.LL&PPDHAN	
		<i>Các môn học tự chọn</i>	2/8					
29	MUS2074	Chuyển soạn cho hợp xướng	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018	1.Âm nhạc học/Chỉ huy 2.LL&PPDHAN 3.LL&PPDHAN	
30	MUS2016	Dân tộc nhạc học		1. Nguyễn Đăng Nghị 2. Trần Hoàng Tiến	PGS, 2014 PGS 2015	TS, 2009 TS, 2007	1.Văn hóa học 2. Văn hoá học	
31	CLM2003	Văn hoá học đại cương	2	1.Hoàng Công Dụng 2.Nguyễn T. Thanh Loan 3.Tráng Thị Thúy	TS, 2019 TS-2020	ThS- 2010	Văn hóa học Văn hóa học	
32	CLM2016	Văn hoá dân gian Việt Nam		1. Nguyễn Hữu Thức 2. Nguyễn Thị Thanh Loan 3. Nguyễn Đức Hoàng	PGS, 2012	TS, 1996 TS, 2020 TS, 2018	1.Văn hóa học 2.Văn hóa học 3. Văn hóa học	

IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	45					
IV.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	39					
33	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B 11. Phạm Xuân Cảnh 12. Nguyễn Khải 13. Nguyễn Thị Lệ Huyền		1. ThS, 2011 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2010 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2011 8.ThS, 2015 9.ThS, 2011 10.ThS, 2014 11. ThS. 2022 12. ThS, 2015 13. ThS, 2015	1.Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học 11. LL & PPDH Âm nhạc 12. LL & PPDH Âm nhạc 13. LL & PPDH Âm nhạc	
34	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương		1. ThS, 2011 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2010 5.ThS, 2010	1.Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc	

				6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B 11. Phạm Xuân Cảnh 12. Nguyễn Khải 13. Nguyễn Thị Lệ Huyền		6. ThS, 2011 7.ThS, 2011 8.ThS, 2015 9.ThS, 2011 10.ThS, 2014 11. ThS. 2022 12. ThS, 2015 13. ThS, 2015	6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học 11. LL & PPDH Âm nhạc 12. LL & PPDH Âm nhạc 13. LL & PPDH Âm nhạc	
35	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B 11. Phạm Xuân Cảnh 12. Nguyễn Khải		1. ThS, 2011 2.ThS, 2011 3.ThS, 2011 4.ThS, 2010 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2011 8.ThS, 2015 9.ThS, 2011 10.ThS, 2014 11. ThS. 2022 12. ThS, 2015	1.Nghệ thuật Âm nhạc 2 Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học 11. LL & PPDH Âm nhạc 12. LL & PPDH Âm nhạc	

				13. Nguyễn Thị Lệ Huyền		13. ThS, 2015	13. LL & PPDH Âm nhạc	
36	MUS2020	Ký xướng âm 4	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Nguyễn Thị Thu Trang A 7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B 11. Phạm Xuân Cảnh 12. Nguyễn Khải 13. Nguyễn Thị Lệ Huyền		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2011 8. ThS, 2015 9. ThS, 2011 10. ThS, 2014 11. ThS. 2022 12. ThS, 2015 13. ThS, 2015	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học 11. LL & PPDH Âm nhạc 12. LL & PPDH Âm nhạc 13. LL & PPDH Âm nhạc	
37	MUS2021	Ký xướng âm 5	2	1. Mai Linh Chi 2. Vũ Kim Thu 3. Nguyễn Thị Phương Mai 4. Khuất Duy Nhã 5. Trần Thanh Hương 6. Nguyễn Thị Thu Trang A		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2011 4. ThS, 2010 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. Nghệ thuật Âm nhạc 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc	

				7. Nguyễn Hồng Trang 8. Nguyễn Đức Linh 9. Nghiêm Thị Hồng Hà 10. Nguyễn Thị Thu Trang B 11. Phạm Xuân Cảnh 12. Nguyễn Khải 13. Nguyễn Thị Lệ Huyền		7.ThS, 2011 8.ThS, 2015 9.ThS, 2011 10.ThS, 2014 11. ThS. 2022 12. ThS, 2015 13. ThS, 2015	7. Nghệ thuật Âm nhạc 8. LL & PPDH Âm nhạc 9. Nghệ thuật Âm nhạc 10. Âm nhạc học 11. LL & PPDH Âm nhạc 12. LL & PPDH Âm nhạc 13. LL & PPDH Âm nhạc	
38	MUS2062	Hòa thanh 1	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hương 5. Nguyễn Thị Thu Trang B 6. Trần Thanh Hương 7. Nguyễn Đức Linh		1. ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2011 5.ThS, 2014 6. ThS, 2010 7. ThS, 2015	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. LL & PPDH Âm nhạc	
39	MUS2023	Hòa thanh 2	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hương 5. Nguyễn Thị Thu Trang B 6. Trần Thanh Hương		1. ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2011 5.ThS, 2014 6. ThS, 2010	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học 6. Nghệ thuật Âm nhạc	

				7. Nguyễn Đức Linh		7. ThS, 2015	7. LL & PPDH Âm nhạc	
40	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hường 5. Nguyễn Thị Thu Trang B 6. Trần Thanh Hương		1.ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2011 5.ThS, 2014 6. ThS, 2010	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học 6. Nghệ thuật Âm nhạc	
41	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2	3	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Nguyễn Hồng Trang 4. Phạm Thu Hường 5. Nguyễn Thị Thu Trang B 6. Trần Thị Thanh Hương		1.ThS, 2015 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2011 5.ThS, 2014 6. ThS, 2010	1. LL &PPDHAN 2 Sáng tác 3. Âm nhạc học 4. Nghệ thuật Âm nhạc 5. Âm nhạc học 6. Nghệ thuật Âm nhạc	
42	MUS2012	Sáng tác	2	1. Lương Minh Tân 2. Khuất Duy Nhã 3. Nguyễn Thành Vinh 4. Phạm Xuân Danh		1.ThS, 2010 2.ThS, 2010 3.ThS, 2013 4. ThS, 2018	1. Sáng tác 2. Sáng tác 3. Sáng tác 4. LL&PPDHAN	
43	MUS2080	Hợp xướng 1	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh	PGS,2020	1.TS, 2009 2.ThS, 2019 3.ThS, 2018	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN	

				4. Vũ Thị Thuỳ Linh		4.ThS, 2020	4. Chỉ huy HX	
44	MUS2081	Hợp xướng 2	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018 4. ThS, 2020	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Chỉ huy HX	
45	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh 4. Vũ Thị Thuỳ Linh	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018 4. ThS, 2020	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Chỉ huy HX	
46	MUS2066	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN	
47	MUS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Phạm Hoàng Trung 3. Phạm Xuân Danh	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2019 3. ThS, 2018	1. Âm nhạc học/Chỉ huy 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN	
48	VMU2002	Thanh nhạc 1	1	1. Trần Thị Thảo 2. Đào Thị Khánh Chi 3. Đặng Thị Lan 4. Ngân Thị Thương 5. Vũ Thanh Thủy		1. ThS, 2009 2. ThS, 2014 3. TS, 2020 4. ThS, 2010 5. ThS, 2012	1. VHH 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. VHH 5. VHH	

				6. Nguyễn Thị Thu Hằng 7. Đàm Minh Hưng 8. Ngô Quốc Khánh 9. Đào Tiến Lợi 10. Hoàng Quốc Tuấn 11. Nguyễn Thuý Hà 12. Hà Thị Lý 13. Nguyễn Chí Công 14. Trần Tân Phương 15. Nguyễn Thanh Duyên 16. Vũ Thị Tươi 17. Bùi Thị Thanh Tuyền 18. Phạm Bích Ngọc 19. Phạm Thị Thu Trang 20. Nguyễn Thị Huyền 21. Nguyễn Phương Thảo	6. TS, 2018 7.ThS, 2014 8.ThS, 2018 9.ThS, 2016 10.ThS, 2014 11. ThS, 2014 12. ThS, 2014 13. ThS, 2014 14.ThS, 2018 15. ThS, 2015 16.ThS, 2016 17.ThS, 2016 18. ThS, 2015 19. ThS, 2014 20.ThS, 2014 21.ThS, 2018	6. QLGD/ ĐHTH Thanh nhạc 7. LL&PPDHAN 8. LL&PPDHAN 9. LL&PPDHAN 10. LL&PPDHAN 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. LL&PPDHAN 15. LL&PPDHAN 16. LL&PPDHAN 17. LL&PPDHAN 18. LL&PPDHAN 19. LL&PPDHAN 20. LL&PPDHAN 21. LL&PPDHAN	
49	VMU2003	Thanh nhạc 2	1	1. Trần Thị Thảo 2. Đào Thị Khánh Chi 3. Đặng Thị Lan 4. Ngân Thị Thương	1. ThS, 2009 2.ThS, 2014 3.TS, 2020 4.ThS, 2010	1. VHH 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. VHH	

				5. Vũ Thanh Thủy 6. Nguyễn Thị Thu Hằng 7. Đàm Minh Hưng 8. Ngô Quốc Khánh 9. Đào Tiến Lợi 10. Hoàng Quốc Tuấn 11. Nguyễn Thuý Hà 12. Hà Thị Lý 13. Nguyễn Chí Công 14. Trần Tân Phương 15. Nguyễn Thanh Duyên 16. Vũ Thị Tươi 17. Bùi Thị Thanh Tuyền 18. Phạm Bích Ngọc 19. Phạm Thị Thu Trang 20. Nguyễn Thị Huyền 21. Nguyễn Phương Thảo	5.ThS, 2012 6. TS,2018 7.ThS, 2014 8.ThS, 2018 9.ThS, 2016 10.ThS, 2014 11. ThS, 2014 12. ThS, 2014 13. ThS, 2014 14.ThS, 2018 15. ThS, 2015 16.ThS, 2016 17.ThS, 2016 18. ThS, 2015 19. ThS, 2014 20.ThS, 2014 21.ThS, 2018	5. VHH 6. QLGD/ĐH Thanh nhạc 7. LL&PPDHAN 8. LL&PPDHAN 9. LL&PPDHAN 10. LL&PPDHAN 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. LL&PPDHAN 15. LL&PPDHAN 16. LL&PPDHAN 17. LL&PPDHAN 18. LL&PPDHAN 19. LL&PPDHAN 20. LL&PPDHAN 21. LL&PPDHAN	
50	VMU2018	Thanh nhạc 3	1	1. Trần Thị Thảo 2. Đào Thị Khánh Chi 3. Đặng Thị Lan	1. ThS, 2009 2.ThS, 2014 3.TS, 2020	1. VHH 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN	

				4. Ngân Thị Thương 5. Vũ Thanh Thủy 6. Nguyễn Thị Thu Hằng 7. Đàm Minh Hưng 8. Ngô Quốc Khánh 9. Đào Tiến Lợi 10. Hoàng Quốc Tuấn 11. Nguyễn Thuý Hà 12. Hà Thị Lý 13. Nguyễn Chí Công 14. Trần Tân Phương 15. Nguyễn Thanh Duyên 16. Vũ Thị Tươi 17. Bùi Thị Thanh Tuyền 18. Phạm Bích Ngọc 19. Phạm Thị Thu Trang 20. Nguyễn Thị Huyền 21. Nguyễn Phương Thảo	4.ThS, 2010 5.ThS, 2012 6. TS,2018 7.ThS, 2014 8.ThS, 2018 9.ThS, 2016 10.ThS, 2014 11. ThS, 2014 12. ThS, 2014 13. ThS, 2014 14.ThS, 2018 15. ThS, 2015 16.ThS, 2016 17.ThS, 2016 18. ThS, 2015 19. ThS, 2014 20.ThS, 2014 21.ThS, 2018	4. VHH 5. VHH 6. QLGD/ĐH Thanh nhạc 7. LL&PPDHAN 8. LL&PPDHAN 9. LL&PPDHAN 10. LL&PPDHAN 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. LL&PPDHAN 15. LL&PPDHAN 16. LL&PPDHAN 17. LL&PPDHAN 18. LL&PPDHAN 19. LL&PPDHAN 20. LL&PPDHAN 21. LL&PPDHAN	
51	VMU2019	Thanh nhạc 4	1	1. Trần Thị Thảo 2. Đào Thị Khánh Chi	1. ThS, 2009 2.ThS, 2014	1. VHH 2. LL&PPDHAN	

			3. Đặng Thị Lan	3.TS, 2020	3. LL&PPDHAN	
			4. Ngân Thị Thương	4.ThS, 2010	4. VHH	
			5. Vũ Thanh Thủy	5.ThS, 2012	5. VHH	
			6. Nguyễn Thị Thu Hằng	6. TS,2018	6. QLGD/ĐH Thanh nhạc	
			7. Đàm Minh Hưng	7.ThS, 2014	7. LL&PPDHAN	
			8. Ngô Quốc Khánh	8.ThS, 2018	8. LL&PPDHAN	
			9. Đào Tiến Lợi	9.ThS, 2016	9. LL&PPDHAN	
			10. Hoàng Quốc Tuấn	10.ThS, 2014	10. LL&PPDHAN	
			11. Nguyễn Thuý Hà	11. ThS, 2014	11. LL&PPDHAN	
			12. Hà Thị Lý	12. ThS, 2014	12. LL&PPDHAN	
			13. Nguyễn Chí Công	13. ThS, 2014	13. LL&PPDHAN	
			14. Trần Tân Phương	14.ThS, 2018	14. LL&PPDHAN	
			15. Nguyễn Thanh Duyên	15. ThS, 2015	15. LL&PPDHAN	
			16. Vũ Thị Tươi	16.ThS, 2016	16. LL&PPDHAN	
			17. Bùi Thị Thanh Tuyền	17.ThS, 2016	17. LL&PPDHAN	
			18. Phạm Bích Ngọc	18. ThS, 2015	18. LL&PPDHAN	
			19. Phạm Thị Thu Trang	19. ThS, 2014	19. LL&PPDHAN	
			20. Nguyễn Thị Huyền	20.ThS, 2014	20. LL&PPDHAN	
			21. Nguyễn Phương Thảo	21.ThS, 2018	21. LL&PPDHAN	

52	MUS2085	Keyboard/ Guitar 1	1	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng 4. Phạm Bá Sản 5. Đào Văn Kiên 6. Lương Diệu Ánh 7. Vũ Ngọc Sơn 8. Ngô Thị Việt Anh 9. Trần Quốc Thùy 10. Đặng Thái Sơn 11. Dương Vũ Bình Minh 12. Hà Tân Mùi 13. Trần Bích Thủy 14. Đoàn Anh Vũ 15. Lương Đức Giang 16. Nguyễn Thị Thu Hương 17. Bùi Diệu Minh 18. Vũ Thanh Xuân		1. ThS, 2012 2. ThS, 2011 3. ThS, 2013 4. ThS, 2014 5. ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014 8. TS, 2022 9. ThS, 2013 10. ThS, 2018 11. ThS, 2015 12. ThS, 2017 13. ThS 2014 14. ThS, 2014 15. ThS, 2016 16. ThS, 2015 17. ThS, 2015 18. ThS, 2016	1. VHH/Guitar 2. VHH/Guitar 3. Guitar 4. LL&PPDHAN/Accordeon 5. Accordeon 6. LLAN /Accordeon 7. VHH/Accordeon 8. VHH/ Accordeon LL&PPDHAN 9. Accordeon 10. LL&PPDHAN/Accordeon 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. Âm nhạc học 15. LL&PPDHAN 16. Quản lý văn hóa 17. Âm nhạc học 18. LL&PPDHAN	
53	MUS2086	Keyboard/ Guitar 2	1	1. Phạm Hồng Phương		1. ThS, 2012	1. VHH/Guitar	

				2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng 4. Phạm Bá Sản 5. Đào văn Kiên 6. Lương Diệu Ánh 7. Vũ Ngọc Sơn 8. Ngô Thị Việt Anh 9. Trần Quốc Thùy 10. Đặng Thái Sơn 11. Dương Vũ bình Minh 12. Hà Tân Mùi 13. Trần Bích Thủy 14. Đoàn Anh Vũ 15. Lương Đức Giang 16. Nguyễn Thị Thu Hương 17. Bùi Diệu Minh 18. Vũ Thanh Xuân		2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2014 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2014 8.TS, 2022 9.ThS, 2013 10.ThS, 2018 11. ThS, 2015 12. ThS, 2017 13. ThS 2014 14. ThS, 2014 15. ThS, 2016 16. ThS, 2015 17. ThS, 2015 18. ThS, 2016	2. VHH/Guitar 3. Guitar 4.LL&PPDHAN/Accordeon 5. Accordeon 6. LLAN /Accordeon 7. VHH/Accordeon 8. VHH/Accordeon; LL&PPDHAN 9. Accordeon 10.LL&PPDHAN/Accordeon 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. Âm nhạc học 15. LL&PPDHAN 16. Quản lý văn hóa 17. Âm nhạc học 18. LL&PPDHAN	
54	MUS2087	Keyboard/ Guitar 3	1	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011	1. VHH/Guitar 2. VHH/Guitar	

				3. Nguyễn Quang Tùng 4. Phạm Bá Sản 5. Đào văn Kiên 6. Lương Diệu Ánh 7. Vũ Ngọc Sơn 8. Ngô Thị Việt Anh 9. Trần Quốc Thùy 10. Đặng Thái Sơn 11. Dương Vũ Bình Minh 12. Hà Tân Mùi 13. Trần Bích Thủy 14. Đoàn Anh Vũ 15. Lương Đức Giang 16. Nguyễn Thị Thu Hương 17. Bùi Diệu Minh 18. Vũ Thanh Xuân	3.ThS, 2013 4.ThS, 2014 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7.ThS, 2014 8.TS, 2022 9.ThS, 2013 10.ThS, 2018 11. ThS, 2015 12. ThS, 2017 13. ThS 2014 14. ThS, 2014 15. ThS, 2016 16. ThS, 2015 17. ThS, 2015 18. ThS, 2016	3. Guitar 4.LL&PPDHAN/Accordeon 5. Accordeon 6. LLAN /Accordeon 7. VHH/Accordeon 8. VHH/Arcordeon; LL&PPDHAN 9. Accordeon 10.LL&PPDHAN/Accordeon 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. Âm nhạc học 15. LL&PPDHAN 16. Quản lý văn hóa 17. Âm nhạc học 18. LL&PPDHAN	
55	MUS2088	Keyboard/ Guitar 4	1	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cẩm 3. Nguyễn Quang Tùng	1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013	1. VHH/Guitar 2. VHH/Guitar 3. Guitar	

				4. Phạm Bá Sản 5. Đào văn Kiên 6. Lương Diệu Ánh 7. Vũ Ngọc Sơn 8. Ngô Thị Việt Anh 9. Trần Quốc Thùy 10. Đặng Thái Sơn 11. Dương Vũ Bình Minh 12. Hà Tân Mùi 13. Trần Bích Thủy 14. Đoàn Anh Vũ 15. Lương Đức Giang 16. Nguyễn Thị Thu Hương 17. Bùi Diệu Minh 18. Vũ Thanh Xuân		4.ThS, 2014 5.ThS, 2010 6. ThS, 2011 7. ThS, 2014 8.TS, 2022 9.ThS, 2013 10.ThS, 2018 11. ThS, 2015 12. ThS, 2017 13. ThS 2014 14. ThS, 2014 15. ThS, 2016 16. ThS, 2015 17. ThS, 2015 18. ThS, 2016	4.LL&PPDHAN/Accordeon 5. Accordeon 6. LLAN /Accordeon 7. VHH/Accordeon 8.VHH/Arcordeon; LL&PPDHAN 9. Accordeon 10.LL&PPDHAN/Accordeon 11. LL&PPDHAN 12. LL&PPDHAN 13. LL&PPDHAN 14. Âm nhạc học 15. LL&PPDHAN 16. Quản lý văn hóa 17. Âm nhạc học 18. LL&PPDHAN	
IV.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	6/12					
56	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ	2	1. Nguyễn Khải 2. Nguyễn Hồng Trang		1. ThS, 2015 2.ThS, 2013	1.LL&PPDHAN 2. Âm nhạc học	

				3. Nguyễn Đức Linh 4. Nguyễn Thành Vinh 5. Phạm Xuân Danh 6. Nguyễn Thị Lệ Huyền		3.ThS, 2015 4.ThS, 2011 5.ThS, 2018 6. ThS, 2015	3. LL&PPDHAN 4. Sáng tác 5. LL&PPDHAN 6. LL&PPDHAN	
57	MUS2082	Nhạc cụ tự chọn	2	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cẩm 3. Nguyễn Quang Tùng 4. Trần Quốc Thuỳ 5. Hà Tân Mùi 6. Vũ Thanh Xuân 7. Đào Văn Thực 8. Bùi Thị Diệu Minh 9. Nguyễn Thị Thu Hương		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013 4.ThS, 2013 5.ThS, 2017 6. ThS, 2016 7.ThS, 2016 8.ThS, 2015 9.ThS, 2015	1. VHH/ĐHGhita 2. VHH/ĐHGhita 3. Guitar 4.Accordeon 5. LL&PPDHAN 6. LL&PPDHAN 7. LL&PPDHAN 8. LL&PPDHAN 9. LL&PPDHAN	

58	MUS2063	Hoà tấu	2	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Quang Tùng 3. Trần Quốc Thuỳ 4. Đào Văn Kiên 5. Vũ Thanh Xuân 6. Đặng Thái Sơn 7. Lương Đức Giang 8. Vũ Ngọc Sơn		1. ThS, 2012 2.ThS, 2013 3.ThS, 2013 4.Th, 2011 5.ThS, 2016 6.ThS, 2018 7. ThS, 2016 8. ThS, 2014	1. VHH/ĐHGuitar 2. Guitar 3. Accordeon 4. Accordeon 5. LL&PPDHAN 6.LL&PPDHAN/Accordeon 7. LL&PPDHAN 8. VHH/Accordeon	
59	VMI2006	Đệm đàn 1	2	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013	1. VHH/Guitar 2. VHH/ Guitar 3. Guitar	
60	VMI2007	Đệm đàn 2	2	1. Phạm Hồng Phương 2. Nguyễn Nguyệt Cầm 3. Nguyễn Quang Tùng		1. ThS, 2012 2.ThS, 2011 3.ThS, 2013	1. VHH/Guitar 2. VHH/ Guitar 3. Guitar	
61	VMU2011	Thực hành biểu diễn	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Nguyễn Quỳnh Phương 3. Phạm Ngọc Thuỳ 4. Đỗ Hương Giang 5. Đặng Thị Loan	PGS, 2020	1. TS.2009 2.ThS, 2016 3.ThS, 2016 4.ThS,2011 5.ThS, 2018	1. Âm nhạc học 2. Nghệ Thuật sân khấu 3. Nghệ thuật sân khấu 4. Thanh nhạc 5. LL&PPDHAN	

				<u>6.</u> Ngô Quốc Khánh 7. Đàm Minh Hưng <u>8.</u> Trần Vĩnh Khương <u>9.</u> Phạm Hồng Phương 10. Trần Quốc Thùy 11. Đào Văn Kiên		6. ThS, 2014 7.ThS, 2014 8.ThS, 2009 9.ThS, 2012 10.ThS, 2013 11. ThS, 2010	6. LL&PPDHA 7. LL&PPDHA 8. LL&PPDHA 9. VHH/Guitar 10. Accordeon 11. Accordeon	
V	M5	Khởi kiến thức nghệ vụ sư phạm	19					
V.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	15					
62	MUS2031	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	2	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nguyễn Thị Lệ Huyền 3. Nguyễn Đức Linh 4. Đoàn Thị Thu Hà 5. Mai Linh Chi 6. Nguyễn Thị Phương Mai 7. Trần Vĩnh Khương	PGS, 2014	1. TS, 2011 2.ThS, 2015 3.ThS,2015 4.ThS, 2013 5.ThS, 2011 6. ThS, 2011 7.ThS, 2008	1. Âm nhạc học 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Văn hóa học 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. LL&PPDHAN	

63	MUS2065	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	3	1. Nguyễn Thị Tố Mai 2. Nguyễn Thị Lệ Huyền 3. Nguyễn Đức Linh 4. Đoàn Thị Thu Hà 5. Mai Linh Chi 6. Nguyễn Thị Phương Mai 7. Trần Vĩnh Khương	PGS, 2014	1. TS, 2011 2.ThS, 2015 3.ThS, 2015 4.ThS, 2013 5.ThS, 2011 6. ThS, 2011 7.ThS, 2008	1. Âm nhạc học 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Văn hóa học 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Nghệ thuật Âm nhạc 7. LL&PPDHAN	
64	PPE2001	Tâm lý học	4	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Nguyễn Thị Duyên 4. Nguyễn Quỳnh Trang 5. Đỗ Ánh Tuyết		TS, 2018 TS, 2016 ThS, 2010 ThS, 2009 ThS, 2008	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
65	PPE2002	Giáo dục học	3	1. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Nguyễn Thị Duyên 3. Đỗ Ánh Tuyết 4. Nguyễn Mai Hương		ThS, 2009 ThS, 2010 ThS, 2008 TS, 2016	Giáo dục học Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
66	PPE2028	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	1. Lương Thị Thanh Hải 2. Nguyễn Mai Hương 3. Nguyễn Thị Duyên		Tiến sĩ, 2018 Tiến sĩ, 2016 Thạc sĩ, 2010	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	

				4. NguyễnThịTuyệt Nhung		Thạc sĩ, 2009	Giáo dục học	
V.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	4/6					
67	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Nguyễn Thị Duyên 3. Nguyễn Quỳnh Trang		Tiến sĩ, 2016 Thạc sĩ, 2010 Thạc sĩ, 2009	Tâm lý học Tâm lý học Tâm lý học	
68	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động âm nhạc	2	1. Lê Vinh Hưng 2. Nguyễn Thị Lệ Huyền 3. Nguyễn Đức Linh 4. Mai Linh Chi 5. Nguyễn Thị Phương Mai 6. Đoàn Thị Thu Hà 7. Trần Vĩnh Khương	PGS, 2020	1. TS, 2009 2. ThS, 2015 3. ThS, 2015 4. ThS, 2011 5. ThS, 2011 6. ThS, 2013 7. ThS, 2008	1. Âm nhạc học 2. LL&PPDHAN 3. LL&PPDHAN 4. Nghệ Thuật Âm nhạc 5. Nghệ thuật Âm nhạc 6. Văn hóa học 7. LL&PPDHAN	
69	MUS2014	Thực tế sáng tác	2	1. Phạm Xuân Danh 2. Nguyễn Thành Vinh 3. Khuất Duy Nhã		1. ThS, 2018 2. ThS, 2011 3. ThS, 2010	1. LL&PPDHAN 2. Sáng tác 3. Nghệ thuật Âm nhạc	
VI	M6	Khối kiến thức thực tập sư phạm	6					
70	MUS2046	Thực tập sư phạm 1	2					
71	MUS2047	Thực tập sư phạm 2	4					

VII	M7	<i>Khối kiến thức cuối khoá</i>	7					
72	MUS2077	Khoá luận/ Hoạt động Sư phạm Âm nhạc tổng hợp	7	1. Mai Linh Chi 2. Nguyễn Thị Phương Mai 3. Nguyễn Thị Lệ Huyền 4. Nguyễn Đức Linh 5. Phạm Hoàng Trung 6. Phạm Xuân Danh 7. Nguyễn Thị Thu Trang B 8. Đoàn Thị Thu Hà		1. ThS, 2011 2. ThS, 2011 3. ThS, 2015 4. ThS, 2015 5. ThS, 2019 6. ThS, 2018 7. ThS, 2014 8. ThS, 2013	1. Nghệ thuật Âm nhạc 2. Nghệ thuật Âm nhạc 3. LL & PPDH Âm nhạc 4. LL & PPDH Âm nhạc 5. LL&PPDHAN 6. 3.LL&PPDHAN 7. Âm nhạc học 8. Văn hóa học	

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng thực hành...	98	5.098,60	MUS2017 MUS2018 MUS2019 MUS2020 MUS2021	Ký xướng âm 1 Ký xướng âm 2 Ký xướng âm 3 Ký xướng âm 4	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm

				MUS2085 MUS2086 MUS2087 MUS2088	Ký xướng âm 5 Keyboard/Guitar 1 Keyboard/Guitar 2 Keyboard/Guitar 3 Keyboard/Guitar 4	nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
2	Xưởng thực tập...	3	274,10			Trình độ Đại học các ngành: Thiết kế thời trang, Công nghệ may.
3	Nhà tập đa năng					
4	Hội trường	1	192,00	MUS2066 MUS2067	Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 1 Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật

						mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
5	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	01	240,40	MUS2078 MUS2002 CLM2001 PPE2008	Đại cương các loại hình nghệ thuật Mỹ học Cơ sở văn hóa Việt Nam Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học

						Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
6	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	26	2.061,74	MUS2008 MUS2009 MUS2060 MUS2061	Lý thuyết âm nhạc 1; Lý thuyết âm nhạc 2 Lịch sử âm nhạc thế giới 1 Lịch sử âm nhạc thế giới 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sur phạm Âm nhạc, Sur phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sur phạm Âm nhạc mầm non, Sur phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.

7	Số phòng học dưới 50 chỗ	04	154,20	MUS2062 MUS2023 MUS2031 MUS2065	Hòa thanh 1 Hòa thanh 2 PP dạy học NA 1 PP dạy học NA 2	- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
8	Số phòng học đa phương tiện	03	280.70			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm

						nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
9	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	01	43,90			- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may. - Trình độ Thạc sĩ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học

						Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. Trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.
10	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (3.500m)	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	
11	Giảng dạy GDTC	45sv	Sân vận động (3.500m)	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	

2. Học liệu

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27				
1	POL2009	Triết học Mác – Lênin	3	1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo		

				<i>đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Giáo trình Triết học Mác - Lênin</i>	(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021 (1) Nxb chính trị quốc gia, 2013	
2	POL.2010	Kinh tế chính trị Mac – Lênin	2	1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2023 (1) Nxb chính trị quốc gia, 2014	
3	POL.2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Nguyễn Văn Cư (chủ biên)	(1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021	

				<i>khoa học(dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng</i>		(1) Nxb đại học sư phạm, 2007.	
4	POL.2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> <i>(2) Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2) Dương Văn Khoa	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021 (1) Nxb chính trị quốc gia, 2003 (2) Nxb Đại học sư phạm, 2022	
5	POL.2013	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Tập 1,2,3)</i> <i>(2) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các	(1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021 (1) Nxb chính trị quốc gia, 2007 (2) Nxb Chính trị Quốc gia, 2014	

					bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh		
6	POL2007	Pháp luật đại cương	2	1. Học liệu chính <i>(1) Giáo trình pháp luật đại cương</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật</i> <i>(2) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013</i> <i>(3) Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015.</i> <i>(4) Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015</i> <i>(5) Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021</i> <i>(6) Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.</i> <i>(7) Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2018.</i>	(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Trường ĐH Luật Hà Nội (2) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx (3) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx (4) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx (5) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-do-i-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx (6) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx (7) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Ph	(1) Nxb Đại học Sư phạm, 2015. (1) NXB Công an nhân dân, 2013	

				(8) Văn bản về phòng, chống tham nhũng (9). Giáo trình Luật Quốc tế	ong-chong-tham-nhung-322049.a.spx (8) Bộ Giáo dục và Đào tạo (9) Trường ĐH Luật Hà Nội	(8) Tài liệu tập huấn Thanh tra, 2018 (9) NXB Công an nhân dân, năm 2013	
7	INF2001	Tin học cơ bản	2	1. Học liệu bắt buộc Giáo trình tin học cơ bản 2. Học liệu tham khảo - Tin học ứng dụng căn bản - Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013 tại website của hãng Microsoft theo địa chỉ http://www.microsoft.com	Lưu hành nội bộ Hồ Tuấn Hùng Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office 2013	(2019) Việt Nam. NXB Đại học Sư phạm, 2013 Việt Nam.	
8	CFL.2001	Tiếng Anh 1	4	1. Học liệu bắt buộc - New Headway (Elementary, The Third edition).. 2. Học liệu tham khảo - Lifelines Elementary - English Grammar in Use.	Liz and John Soars, Sylvia Wheeldon; (Lê Thúy Hiền giới thiệu) Hutchinson, T Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu)	Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam. Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam. Nxb Hồng Đức. (2011). Việt Nam.	

				- <i>New English File (Elementary)</i> - <i>Empower Elementary</i>	Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. & Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu) Doff, A. Thaine.C. Puchta.H. Strank.J & Lewis-Jones.P.	Nxb Văn hóa Thông tin. (2013). Việt Nam. Nxb Cambridge. Anh Quốc, 2022	
9	CFL.2002	Tiếng Anh 2	3	1. Học liệu bắt buộc - <i>New headway Pre-intermediate.</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>English Grammar in Use.</i> - <i>English File - Pre-Intermediate (third edition).</i> - <i>Inside Out - Pre - Intermediate</i>	Jonn and Liz Soars Murphy, R. (Ngọc Hạnh - Quỳnh Trâm giới thiệu) Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. & Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu) Sue Kay, Vaughan Jones and Phillip Kerr	Nhà xuất văn hóa thông tin. (2013).Việt Nam. Nhà xuất bản Hồng Đức. (2011).Việt Nam. Nhà xuất Văn hóa Thông tin (2011). Việt Nam. <i>UK: Macmillan Education. (2002). Việt Nam.</i>	

10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Giáo trình Thể dục tập 1</i> (2) <i>Giáo trình Thể dục tập 2</i> (3) <i>Giáo trình Giáo trình Thể dục Aerobic</i> (4) <i>Giáo trình Điền kinh</i> (5) <i>Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TDTT)</i> 2. Học liệu tham khảo (1) <i>Các bài tập thể lực trong Điền kinh.</i>	(1) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận. (2) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận. (3) Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan (4) Nguyễn Văn Thời (chủ biên) (5) Nguyễn Văn Thời (chủ biên) (1) Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên	(1) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2012 (2) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2013 (3) Nxb Thể dục thể thao - Hà Nội, 2014 (4) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014 (5) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014 (1) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2012	
----	---------	---------------------	---	--	--	---	--

PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	VÕ 1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Karate căn bản.</i> (2) <i>Giáo trình Karatedo.</i> 2. Học liệu tham khảo (1) <i>Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karate-do.</i> CẦU LÔNG 1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Giáo trình Cầu lông.</i> (2) <i>Luật thi đấu Cầu lông.</i> 2. Học liệu tham khảo (1) <i>Cầu lông.</i> (2) <i>Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)</i> KHIÊU VŨ 1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Khiêu vũ thể thao.</i> 2. Học liệu tham khảo (1) <i>Biện pháp đổi mới nội dung, hình thức dạy học nhằm phát huy tính sáng tạo của sinh viên trong luyện tập thể dục Aerobics trường Cao đẳng sư phạm nhạc - họa trung ương.</i> (2) <i>Tài liệu giảng dạy môn Khiêu vũ thể thao</i>	(1) Nguyễn Ngọc Khương (2) Trần Tuấn Hiếu (CB (1) Bộ môn võ - Trường ĐHTDTT Bắc Ninh. (1) Nguyễn Văn Đức (Chủ biên) (2) Tổng cục TDTT (1) Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành. (2) Đề tài KHCN cấp Trường: Phạm Minh Tuấn, Bùi Thị Ánh Tuyết, Lê Việt Hùng, Phạm Thị Huyền Trang (1) Vũ Thanh Mai (CB) (1) Đề tài NCKH Cấp Bộ của Giảng viên Trần Thị Nguyệt Đán Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2007)	(1) Nxb TDTT (2006) (2) Nxb TDTT (2001) (1) Nxb TDTT (2009) (1) NXB Thể dục thể thao Hà Nội, 2015 (2) Nxb TDTT 2014 (1) Nxb Thể dục thể thao, 1998 (1) Nxb TDTT 2011	
---------	---------------------	---	--	---	---	--

					(2) Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, G.V Bùi Thị Huyền (2020).		
--	--	--	--	--	--	--	--

12	GDQP	Giáo dục quốc phòng		Theo chương trình của TTGDQP			
II.	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	13				
II.1		Các môn học bắt buộc	9				
13	CLM2001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Học liệu bắt buộc (1) <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> (2) <i>Giáo trình Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>	-Huỳnh Công Bá -Trần Quốc Vượng (Chủ biên)	- Nxb Thuận Hóa, 2012 - Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020	
				2. Học liệu tham khảo (1) <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i> (2) <i>Việt Nam phong tục</i> (3) <i>Bản sắc văn hóa Việt Nam</i> (4) <i>Vùng văn hóa và phân vùng văn hóa Việt Nam</i>	-Đào Duy Anh -Phan Kế Bính -Phan Ngọc -Ngô Đức Thịnh	-Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000 -Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005 -Nxb Văn học, Hà Nội, 2002 -Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2022	

				(5) <i>Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>	- Trần Ngọc Thêm	- Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2011	
14	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Đại cương các loại hình nghệ thuật (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Giáo trình nghệ thuật học</i> <i>Nghệ thuật học</i> <i>- Nghiên cứu biên soạn tài liệu giảng dạy môn nghệ thuật học</i>	Nguyễn Đăng Nghị, Lại Hồng Phong, Trần Vĩnh Khương, Nguyễn Thị Thu Hằng Trần Duy Hình Đỗ Văn Khang Trần Thị Vân (2017),	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb Giao thông vận tải 2010, Việt Nam Nxb Thông tin và truyền thông, 2002 Hệ ĐHSP Mỹ thuật, Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Trường, ĐHSP Nghệ thuật TW 2017	
15	MUS2002	Mỹ học	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Mỹ học (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Nhập môn Mỹ học</i> <i>- Văn học và các loại hình nghệ thuật</i>	Nguyễn Đăng Nghị, Lại Hồng Phong, Trần Vĩnh Khương Đào Thị Thuý Anh (chủ biên), Đoàn Thị Thu Hà Lê Lưu Oanh	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Đại học LĐXH, 2019 Nxb. Đại học Sư phạm, H. 2011, Việt Nam.	

				- Bay lên từ truyền thống	Nguyễn Đăng Nghị	Nxb. Văn hóa thông tin, H. 2011, Việt Nam.	
16	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học		1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> <i>(2) Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học</i> <i>(3) Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> 2. Học liệu tham khảo <i>(1) Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật</i>	(1) Vũ Cao Đàm (2) Hoàng Mộc Lan (3) Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (1) Nguyễn Thu Tuấn	(1) NXB GD (2009) (2) Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, HN 2013 (3) Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia, 2016 (1) Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2015	
II.2		Các môn học tự chọn	4/6				
17	PPE2003	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	1. Học liệu bắt buộc <i>(1) Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo</i>	(1) Phạm Viết Vượng (Chủ biên), Ngô Thanh Can, Trần Quang Cấn, Đỗ Ngọc Đạt, Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn	(1) NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006.	

				(2) <i>Luật cán bộ, công chức</i> (3) <i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức</i> (4) <i>Luật viên chức</i> (5) <i>Luật Giáo dục 2019</i> (6) <i>Điều lệ trường tiểu học 2020</i>	Văn Long, Nguyễn Đức Thìn (2) Quốc hội, số 22/2008/QH12, ngày 13/11/2008 (3) Quốc hội, số 52/2019/QH14, ngày 25/11/2019 (4) Quốc hội, số 58/2010/QH12, ngày 15/11/2010 (5) Quốc hội, số 43/2019/QH11, ngày 14/06/2019. (6) Bộ Giáo dục và Đào tạo	(2)https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-can-bo-cong-chuc-2008-22-2008 (3)https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-can-bo-cong-chuc-va-luat-vien-chuc-sua-doi-2019-405729.aspx (4)https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=98566 (5)https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx (6)https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Tong-tu-28-2020-TT-BGDDT-ve-Dieu-le-Truong-tieu-hoc-282401.aspx	
--	--	--	--	--	---	---	--

				(7) <i>Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, 2020</i> 2. Học liệu tham khảo (1) <i>Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý hành chính nhà nước (Chương trình chuyên viên chính), phần 2</i> (2) <i>Quản lý giáo dục</i>	(7) Bộ Giáo dục và Đào tạo (1) Học viện Hành chính quốc gia (2) Bùi Minh Hiền (chủ biên)	(7)https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Tong-tu-32-2020-TT-BG-DDT-Dieu-le-truong-trung-hoc-co-so-truong-trung-hoc-pho-thong-443627.aspx (1) Nxb Khoa học và kỹ thuật, 2010. (2) Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011	
18	CFL2008	Tiếng Việt thực hành	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Tiếng Việt thực hành</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Tiếng Việt thực hành</i> - <i>Tiếng Việt thực hành</i>	Hoàng Kim Ngọc Bùi Minh Toán - Lê A - Đỗ Việt Hùng	Nxb Văn hóa Thông tin (2010), Việt Nam. Nxb Giáo dục (1998), Việt Nam.	

				- Sách chuyên khảo <i>Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ Mỹ thuật Tiếng Việt</i>	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp Lê Thị Mỹ Hạnh (chủ biên)	Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội (1997), Việt Nam Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội (2019)	
19	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới	2	1. Học liệu chính (1) <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	-Vũ Dương Ninh (Chủ biên) - Nguyễn Gia Phú -Nguyễn Quốc Hùng-Đinh Ngọc Bảo	- Nxb Giáo dục Việt Nam (2015)	
				2. Học liệu tham khảo (1) <i>Lịch sử văn minh Trung Hoa, tập 2: Khoa học nghệ thuật, lịch sử hội họa</i> (2) <i>Chuyện kể về những nền văn minh cổ</i>	- Phùng Quốc Siêu, Trần Hải Ninh - Edward James	- Nxb Văn hóa thông tin (2001) - Nxb Thế giới (2002)	
III.	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	22				
III.1.		Các môn học bắt buộc	20				
20	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1	3	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ</i> 2. Học liệu tham khảo	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tố Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân (2014)	Nxb Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2014.	

				<i>-Tự học nhạc lý cơ bản</i> <i>-Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> <i>- Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	Phạm Phương Hoa (chủ biên) Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh (2010), V.A.Vakhrameep (1993)	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam. Nxb. Đại học sư phạm, 2010 Nxb. Âm nhạc, 2001	
21	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2	2	1.Học liệu bắt buộc <i>-Giáo trình Lý thuyết âm nhạc, lưu hành nội bộ</i> 2. Học liệu tham khảo <i>-Tự học nhạc lý cơ bản</i> <i>-Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i> <i>- Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	Trịnh Hoài Thu (chủ biên), Phạm Lê Hòa, Nguyễn Tổ Mai, Lê Anh Tuấn, Lương Minh Tân Phạm Phương Hoa (chủ biên) Phạm Tú Hương, Đỗ Xuân Tùng, Nguyễn Trọng Ánh (2010), V.A.Vakhrameep (1993)	Nxb Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, 2014. Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam. Nxb. Đại học sư phạm, 2010 Nxb. Âm nhạc, 2001	
22	MUS2060	Lịch sử Âm nhạc thế giới 1	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc, quyển 1</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Opera Việt Nam</i>	Nguyễn Thị Tổ Mai Nguyễn Thị Tổ Mai	Nxb. Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011 Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	

				- Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới	Phạm Lê Hòa	Nxb. Âm nhạc, H.2007, Việt Nam.	
23	MUS2061	Lịch sử Âm nhạc thế giới 2	2	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Lịch sử âm nhạc thế giới (phần châu Âu) cho hệ ĐHSP Âm nhạc 2. Học liệu tham khảo - Opera Việt Nam - Các nhạc sĩ nổi tiếng thế giới	Nguyễn Thị Tố Mai Nguyễn Thị Tố Mai Phạm Lê Hòa	Nxb. Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011 Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam. NXB Âm nhạc, Hà Nội. 2007, Việt Nam.	
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc -Giáo trình Âm nhạc Việt Nam (lưu hành nội bộ) 2.Học liệu tham khảo - Tuyển tập nghiên cứu, phê bình âm nhạc truyền thống Việt Nam - Đàn nguyệt trong phong cách hát chầu văn và nhạc tài tử Nam Bộ. -Âm nhạc dân gian xứ Thanh	Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Thị Thanh Hương, Vĩnh Phúc, (Bùi Ngọc Phúc) Cồ Huy Hùng Nguyễn Liên (chủ biên), Hoàng Minh Tường	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Mỹ thuật, H. 2017, Việt Nam. Nxb. Mỹ thuật, H. 2017, Việt Nam. Nxb. Mỹ thuật, H. 2017, Việt Nam.	

				- <i>Tổng tập âm nhạc Việt Nam</i> - <i>Âm nhạc thính phòng giao hưởng Việt Nam</i> - <i>Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu.</i> - <i>Vấn đề nghiên cứu và đào tạo âm nhạc dân tộc học Việt Nam.</i>	Nhiều tác giả (tập 1) Nguyễn Thị Nhung PGS. TS Tú Ngọc - PGS.TS Nguyễn Thị Nhung - TS Vũ Tự Lân – Nguyễn Ngọc Oánh - Thái Phiên. Lê Văn Toàn	Nxb Văn hoá Dân tộc, H.2010, Việt Nam. Viện Âm nhạc, H. 2001, Việt Nam. Viện Âm nhạc, H. 2000, Việt Nam. Nxb Thanh niên, H.2016.	
25	VMU2001	Dân ca	2	1. Học liệu bắt buộc -<i>Giáo trình dạy hát dân ca (lưu hành nội bộ)</i>	Đặng Thị Lan	Khoa Thanh nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam, H 2019	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát,</i> - <i>Hát Châu Văn</i>	Trần Ngọc Lan - Bùi Đình Thảo - Nguyễn Quang Hải	Nxb Giáo dục Việt Nam, H 2011 Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2012	

				- <i>Thi pháp Chèo cổ</i>	- Trần Trí Trắc	Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2019	
26	MUS2011	Múa	3	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Múa (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Múa đương đại Việt Nam</i> - <i>Múa dân gian các dân tộc Việt Nam</i> - <i>Nghệ thuật biên đạo múa</i>	- Nguyễn Thị Quỳnh Phương, Nguyễn Thúy Hường Lê Hải Minh Lâm Tô Lộc Nguyễn Thị Hiền	Nxb Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam, 2019 Nxb. Khoa học xã hội, H. 2019, Việt Nam. Nxb Thời đại, H. 2013, Việt Nam. Nxb Văn học, H.2008, Việt Nam.	
27	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Âm nhạc - Tài liệu lưu hành nội bộ (2020).</i>	Tài liệu do Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW biên soạn, (2020), Việt Nam.	

				2.Học liệu tham khảo: <i>-English Grammar in Use</i> <i>- Cutting Edge</i>	Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu), Sarah Cunningham and Peter Moor (Lê Thúy Hiền giới thiệu)	Nhà xuất bản Hồng Đức, (2011), Việt Nam. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, (2013) Việt Nam.	
28	MUS2001	Tin học chuyên ngành	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Tin học chuyên ngành âm nhạc, (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Phương pháp dạy học chuyên ngành môn tin học</i> <i>- Quản lí hệ thống máy tính</i> <i>- Giáo trình tin học ứng dụng 1</i> <i>- Giáo trình tin học ứng dụng 2</i>	Lương Minh Tân, Nguyễn Khải Lê Khắc Thành Nguyễn Vũ Quốc Hưng (chủ biên), Nguyễn Hữu Mùi Phan Thanh Toàn Phạm Liên Hương Nguyễn Bách	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Đại học Sư phạm, H. 2015, Việt Nam. Nxb Đại học sư phạm, Việt Nam, 2005 NXB ĐHSP, Việt Nam, 2004 NXB ĐHSP, Việt Nam, 2005	

				<i>-Microphone – Cách sử dụng hiệu quả cao</i>		NXB Âm nhạc, Việt Nam, 2002	
III.2		Các môn học tự chọn	2/8				
29	MUS2074	Chuyển soạn cho hợp xướng	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng (dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Hợp xướng Việt Nam</i> <i>- Nghệ thuật chỉ huy dàn nhạc và hợp xướng</i> <i>- Giáo trình Hợp xướng (Lưu hành nội bộ)</i>	Lê Vinh Hưng Lê Vinh Hưng Nguyễn Bách Lê Vinh Hưng (chủ biên), Phạm Hoàng Trung,	Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.2020, Việt Nam Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.2020, Việt Nam. Nxb. Trẻ, 2010, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	
30	MUS2016	Dân tộc nhạc học	2	1. Học liệu bắt buộc <i>- Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX</i> <i>- Vấn đề nghiên cứu và đào tạo âm nhạc dân tộc học Việt Nam</i> 2. Học liệu tham khảo	Trịnh Hoài Thu Lê Văn Toàn Nhiều tác giả	Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam. Nxb. Thanh niên, H.2016, Việt Nam.	

				- Văn hoá dân gian một số tộc người. - Âm nhạc Việt Nam: truyền thống và hiện đại. - Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	Tô Vũ Nguyễn Thụy Loan	Nxb Văn hoá thông tin, H.2012. Nxb Viện Âm nhạc, H.2002. Nxb Sư phạm, H.2006.	
31	CLM2003	Văn hoá đại cương	2	1. Học liệu chính			
				(1) Từ văn hóa đến văn hóa học	-GS.TS. Phạm Đức Dương	NXB Văn hóa -Thông tin (2013)	
				2. Học liệu tham khảo			
				(1) Nghiên cứu văn hóa Lý thuyết và thực hành	- Viện văn hóa nghệ thuật Việt Nam	- NXB Văn hóa thông tin (2011)	
				(2) Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay – Mấy suy nghĩ từ thực tiễn	- GS. TS. Đinh Xuân Dũng	- Nxb Thông tin và truyền thông, 2016	
				(3) Văn hóa hội nhập	- Nguyễn Thị Quỳnh Phương	- NXB Khoa học xã hội (2016)	
32	CLM2016	Văn hoá dân gian Việt Nam	2	1. Học liệu bắt buộc			
				(1) Văn hóa dân gian - những thành tố	- Lê Ngọc Canh	Nxb Văn hóa Thông tin, 1999	
				2. Học liệu tham khảo			

				(1) Văn hóa dân gian Việt Nam những phác thảo (2) Với Văn hóa Nghệ thuật	- Nguyễn Chí Bền - Nguyễn Đức Đàn	Nxb Văn hóa Thông tin, 2003 Nxb Văn hóa dân tộc (2000)	
IV.	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	45				
IV.1		Các môn học bắt buộc	39				
33	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Xướng âm giọng C-dur và a-moll (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Giáo trình Ký – xướng âm (Quyển 1: Học phần I)</i> - <i>Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc</i>	Nguyễn Tố Mai - Nguyễn Đức Quỳnh – Nguyễn Thị Phương Mai – Nguyễn Khải Nguyễn Ngọc Lâm Trịnh Hoài Thu Nhiều tác giả	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2016 Nxb. TPHCM, H.2009, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2011, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ	

				- Tài liệu giảng dạy môn xướng âm		thuật TW, 2012, Việt Nam	
34	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Xướng âm 2 (lưu hành nội bộ) 2. Học liệu tham khảo - Giáo trình Ký – xướng âm (Quyển 2: Học phần II) - Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc - Tài liệu giảng dạy môn xướng âm	Nguyễn Thị Lệ Huyền - Vũ Kim Thu – Nghiêm Hồng Hà, Nguyễn Thị Phương Mai Nguyễn Ngọc Lâm Trịnh Hoài Thu Nhiều tác giả	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. TPHCM, H.2009, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2011, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2012, Việt Nam	
35	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Ký xướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ) 2. Học liệu tham khảo	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh - Khuất Duy Nhã - Nguyễn Thị Lệ Huyền - Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019	

				- <i>Giáo trình Ký – xướng âm (Quyển 3: Học phần III)</i> - <i>Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc</i> - <i>Tài liệu giảng dạy môn xướng âm</i>	Nguyễn Ngọc Lâm Trịnh Hoài Thu Nhiều tác giả	Nxb. TPHCM, H.2009, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2011, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2012, Việt Nam	
36	MUS2020	Ký xướng âm 4	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Ký xướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Giáo trình Ký – xướng âm (Quyển 4: Học phần IV)</i> - <i>Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc</i> - <i>Tài liệu giảng dạy môn xướng âm</i>	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh – Khuất Duy Nhã – Nguyễn Thị Lệ Huyền – Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang Nguyễn Ngọc Lâm Trịnh Hoài Thu Nhiều tác giả	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. TPHCM, H.2009, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2011, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ	

						thuật TW, 2012, Việt Nam	
37	MUS2021	Ký xướng âm 5	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Ký xướng âm (Học phần: 3, 4, 5 - lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Giáo trình Ký – xướng âm (Quyển 5: Học phần V)</i> - <i>Phương pháp dạy học ký xướng âm trong đào tạo giáo viên âm nhạc</i> - <i>Tài liệu giảng dạy môn xướng âm</i>	Nguyễn Đức Linh – Phạm Xuân Cảnh – Khuất Duy Nhã – Nguyễn Thị Lệ Huyền – Vũ Kim Thu - Nguyễn Hồng Trang. Nguyễn Ngọc Lâm Trịnh Hoài Thu Nhiều tác giả	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. TPHCM, H.2009, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2011, Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2012, Việt Nam	
38	MUS2062	Hòa thanh 1	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Hòa thanh (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Sách giáo khoa hoà thanh</i>	Nguyễn Khải, Phạm Thu Hường, Nguyễn Đức Linh, Lương Minh Tân	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb Âm nhạc, 1993	Không sửa

				<i>-Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh</i> <i>- Hoà âm cơ bản</i> <i>- Giáo trình Hòa thanh (Bậc đại học)</i>	Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích Tạ Hoàng Mai Anh GS.TS. Phạm Minh Khang	Trung tâm thông tin –Thư viện Âm nhạc, Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2012, Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020 Trung tâm thông tin –Thư viện Âm nhạc, Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2005, Việt Nam.	
39	MUS2023	Hòa thanh 2	2	1.Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Hòa thanh (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- Sách giáo khoa hoà thanh</i> <i>-Tuyển chọn bài tập phân tích hoà thanh</i> <i>- Hoà âm cơ bản</i>	Nguyễn Khải, Phạm Thu Hường, Nguyễn Đức Linh, Lương Minh Tân. Phạm Tú Hương, Vũ Nhật Thăng Hoàng Hoa, Trương Ngọc Bích Tạ Hoàng Mai Anh	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb Âm nhạc, 1993 Trung tâm thông tin –Thư viện Âm nhạc, Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2012, Việt Nam.	

				- <i>Giáo trình Hòa thanh (Bậc đại học)</i>	GS.TS. Phạm Minh Khang	Nxb Đại học QG Hà Nội, 2020, Việt Nam. Trung tâm thông tin – Thư viện Âm nhạc, Bộ Văn hóa thông tin, Nhạc viện Hà Nội, 2005, Việt Nam.	
40	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc – Quyển 1</i> - <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc – Quyển 2</i> - <i>Cấu trúc dân ca người Việt</i>	Phạm Lê Hòa Nguyễn Thị Nhung Nguyễn Thị Nhung Huyền Nga	Nxb. Âm nhạc, H.2016, Việt Nam. Trung tâm Thông tin – Thư viện Âm nhạc, 2005, Việt Nam. Nxb. Viện Âm nhạc, 2006, Việt Nam. Nxb Lao động, H. 2012, Việt Nam.	
41	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2	3	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Âm nhạc Việt Nam Tác giả - Tác phẩm (Tập II)</i> - <i>Phân tích tác phẩm âm nhạc – Quyển 2</i> - <i>Cấu trúc dân ca người Việt</i>	Phạm Lê Hòa Lê Văn Toàn Nguyễn Thị Nhung Huyền Nga	Nxb. Âm nhạc, H.2016, Việt Nam. Nxb. Khoa học xã hội, H.2019, Việt Nam. Nxb. Viện Âm nhạc, 2006, Việt Nam.	

						Nxb Lao động, H. 2012, Việt Nam.	
42	MUS2012	Sáng tác	2	1. Học liệu bắt buộc: <i>-Giáo trình Sáng tác (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo <i>- 55 ca khúc về biển đảo và tình yêu quê hương</i> <i>- Phân tích cấu trúc tác phẩm âm nhạc</i> <i>- Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX</i>	Lại Hồng Phong, Lương Minh Tân, Nguyễn Thành Vinh. Nhiều tác giả (Song Minh tuyển soạn) Đặng Văn Bông Trịnh Hoài Thu	(Lưu hành nội bộ), Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), Việt Nam, 2019 Nxb. Âm nhạc, H. 2015, Việt Nam. Nxb. Giáo dục, 2007, Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, H. 2014, Việt Nam.	
43	MUS2080	Hợp xướng 1	2	1.Học liệu bắt buộc: <i>- Giáo trình Hợp xướng (lưu hành nội bộ)</i> 2.Tài liệu tham khảo <i>- Hợp xướng Việt Nam</i> <i>- Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng (dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i> <i>- Những bản tình ca chuyển soạn cho hợp xướng</i>	Lê Vinh Hưng - Phạm Hoàng Trung. Lê Vinh Hưng Lê Vinh Hưng Đỗ Tuấn	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), Việt Nam, 2019 Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam. Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam. Nxb. Văn hoá Thông tin, 2006, Việt Nam	
				1. Học liệu bắt buộc:			

44	MUS2081	Hợp xướng 2	2	- <i>Giáo trình Hợp xướng (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo: - <i>Hợp xướng Việt Nam</i> - <i>Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng (dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i> - <i>Những bản tình ca chuyển soạn cho hợp xướng</i>	Lê Vinh Hưng - Phạm Hoàng Trung Lê Vinh Hưng Lê Vinh Hưng Đỗ Tuấn	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (lưu hành nội bộ), (lưu hành nội bộ), Việt Nam, 2019 Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam. Nxb. Văn hóa Dân tộc, H. 2020, Việt Nam. Nxb. Văn hoá Thông tin, 2006, Việt Nam	
45	MUS2075	Chỉ huy hợp xướng	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Chỉ huy hợp xướng (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i> - <i>Giáo trình Chuyển soạn cho hợp xướng (dành cho bậc Đại học sư phạm âm nhạc)</i> - <i>Chỉ huy dàn dựng hát tập thể</i> - <i>Nghệ thuật chỉ huy Dàn nhạc và hợp xướng</i>	Lê Vinh Hưng Lê Vinh Hưng Lê Vinh Hưng Đoàn Phi Nguyễn Bách	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Văn hóa Dân tộc, (2020), Việt Nam. Nxb. Văn hóa Dân tộc, (2020), Việt Nam. Nxb Thanh niên; H (2010) Việt Nam. Nxb Trẻ, Tp. HCM(2010) Việt Nam.	

46	MUS2066	Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp 1	4	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i> - <i>Tìm hiểu sự hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Dù Kê dân tộc Khmer Nam Bộ</i> - <i>Về nghệ thuật chèo (quyển 1, 2)</i> - <i>Âm nhạc và múa trên thế giới</i>	Lê Vinh Hưng, Phạm Hoàng Trung, Phạm Xuân Danh Lê Vinh Hưng Thạch Sết (Sang Sết) Trần Việt Ngữ Phạm Ngọc Chi	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Văn hóa Dân tộc, (2020) Việt Nam. Nxb. Sân khấu, (2019) Việt Nam. Nxb. Khoa học Xã hội, (2015) Việt Nam. Nxb. Thế giới, 2022, Việt Nam.	
47	MUS2067	Dàn dựng chương trình Âm nhạc tổng hợp 2	4	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp (lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Hợp xướng Việt Nam</i>	Lê Vinh Hưng, Phạm Hoàng Trung, Phạm Xuân Danh Lê Vinh Hưng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Văn hóa Dân tộc, (2020) Việt Nam.	

				- <i>Tìm hiểu sự hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Dù Kê dân tộc Khmer Nam Bộ</i> - <i>Về nghệ thuật chèo (quyển 1, 2)</i> - <i>Âm nhạc và múa trên thế giới</i>	Thạch Sết (Sang Sết) Trần Việt Ngữ Phạm Ngọc Chi	Nxb. Sân khấu, (2019) Việt Nam. Nxb. Khoa học Xã hội, (2015) Việt Nam. Nxb. Thế giới, 2022, Việt Nam.	
48	VMU2002	Thanh nhạc 1	1	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Thanh nhạc 1 hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc (lưu hành nội bộ)</i>	Đào Thị Khánh Chi	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (lưu hành nội bộ), (2019) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i> - <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i> - <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên. Trần Ngọc Lan Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Viện âm nhạc, H. 2018, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, H.2014. Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam. Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam. Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam.	

49	VMU2003	Thanh nhạc 2	1	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Thanh nhạc 1 hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc (lưu hành nội bộ)</i>	Đào Thị Khánh Chi	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (lưu hành nội bộ), (2019) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo <i>- Nghệ thuật opera</i> <i>- Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i> <i>- Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> <i>- Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i> <i>- Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên. Trần Ngọc Lan Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Viện âm nhạc, H. 2018, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, H.2014. Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam. Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam. Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam.	
50	VMU2018	Thanh nhạc 3	1	1. Học liệu bắt buộc <i>- Giáo trình Thanh nhạc 2 hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc (lưu hành nội bộ)</i>	Trần Thị Thảo	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (lưu hành nội bộ), (2019) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo			

				- <i>Nghệ thuật opera</i> - <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i> - <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên. Trần Ngọc Lan Susan Sutherland, Người dịch: PhạmCao Hoàn	Viện âm nhạc, H. 2018, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, H.2014. Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam. Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam. Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam.	
51	VMU2019	Thanh nhạc 4	1	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Thanh nhạc 2 hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc (lưu hành nội bộ)</i>	Trần Thị Thảo	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW (lưu hành nội bộ), (2019) Việt Nam.	
				2. Học liệu tham khảo - <i>Nghệ thuật opera</i> - <i>Những vấn đề sư phạm thanh nhạc</i>	Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên Nguyễn Trung Kiên.	Viện âm nhạc, H. 2018, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, H.2014.	

				- <i>Phương pháp sư phạm thanh nhạc</i> - <i>Phương pháp hát tốt tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát</i> - <i>Tự học để trở thành ca sĩ.</i>	Trần Ngọc Lan Susan Sutherland, Người dịch: Phạm Cao Hoàn	Viện âm nhạc, H.2014, Việt Nam. Nxb giáo dục Việt Nam, (2011) Việt Nam. Nxb Hồng Đức, (2014) Việt Nam.	
52	MUS2085	Keyboard/Guitar 1	2	1. Học liệu bắt buộc. - <i>Giáo trình Keyboard 1</i> - <i>Giáo trình Guitar 1</i> 2. Học liệu tham khảo môn Guitar: - <i>Tác phẩm hay Guitar classic</i> - <i>Độc tấu Guitar</i> - <i>Những tác phẩm nổi tiếng soạn cho guitar cổ điển tập 2,3, 5, 6</i> - <i>Dân ca soạn cho Guitar</i>	Ngô Thị Việt Anh (chủ biên), Dương Vũ Bình Minh, Lương Diệu Ánh, Đào Văn Kiên, Trần Quốc Thùy, Đoàn Anh Vũ. Nguyễn Quang Tùng (chủ biên), Phạm Hồng Phương, Nguyễn Nguyệt Cầm. Son Hồng Vỹ Nguyễn Quốc Vương Trần Thế Kỷ chuyển soạn. Tạ Tấn	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2019), Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Nxb GTVT, 2004, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb Thanh niên (2010), Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam.	

				2. Học liệu tham khảo Electric Keyboard: <i>- Invention</i> <i>- Học đệm Piano cơ bản 2</i> <i>- Học đệm Piano cơ bản 3</i> <i>- Thực hành đệm Organ –</i> <i>Chủ đề Tình ca quê hương</i> <i>- Học đệm Organ 3</i> <i>- Độc tấu trên đàn Organ</i> <i>Keyboard 1,2,3,4</i>	J.S.Bach Song Minh Song Minh Cù Minh Nhật Cù Minh Nhật Lê Vũ, Quang Đạt	Nxb. Bakui, (1980), Nga. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Trẻ, (1998), Việt Nam.	
53	MUS2086	Keyboard/Guitar 2	2	1. Học liệu bắt buộc. <i>- Giáo trình Keyboard 2</i> <i>- Giáo trình Guitar 2</i> 2. Học liệu tham khảo môn Ghi -ta: <i>- Tác phẩm hay Guitar classic</i>	Ngô Thị Việt Anh (chủ biên), Hà Tân Mùi, Lương Diệu Ánh, Đào Văn Kiên, Trần Quốc Thùy, Đoàn Anh Vũ, Đào Văn Thực. Nguyễn Quang Tùng (chủ biên), Phạm Hồng Phương, Nguyễn Nguyệt Cầm. Sơn Hồng Vũ	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2019), Việt Nam.	

				- <i>Độc tấu Guitar</i> - <i>Những tác phẩm nổi tiếng soạn cho guitar cổ điển tập 2,3, 5, 6</i> - <i>Dân ca soạn cho Guitar</i> 3. Học liệu tham khảo Electric Keyboard: - <i>Invention</i> - <i>Học đệm Piano cơ bản 2</i> - <i>Học đệm Piano cơ bản 3</i> - <i>Thực hành đệm Organ – Chủ đề Tình ca quê hương</i> - <i>Học đệm Organ 3</i> - <i>Độc tấu trên đàn Organ Keyboard 1,2,3,4</i>	Nguyễn Quốc Vương Trần Thế Kỷ chuyển soạn. Tạ Tấn J.S.Bach Song Minh Song Minh Cù Minh Nhật Cù Minh Nhật Lê Vũ, Quang Đạt	Nxb GTVT, 2004, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb Thanh niên (2010), Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb. Bakui, (1980), Nga. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Trẻ, (1998), Việt Nam.	
54	MUS2087	Keyboard/Guitar 3	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Keyboard 3</i>	Ngô Thị Việt Anh (Chủ biên), Vũ Thanh Xuân, Lương Diệu Ánh, Đào Văn Kiên, Trần Quốc Thùy, Bùi Thị Diệu Minh.	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam.	

				- <i>Giáo trình Guitar 3</i> 2. Học liệu tham khảo môn Guitar - <i>Tác phẩm hay Guitar classic</i> - <i>Độc tấu Guitar</i> - <i>Những tác phẩm nổi tiếng soạn cho guitar cổ điển tập 2,3, 5, 6</i> - <i>Dân ca soạn cho Guitar</i> 3. Học liệu tham khảo môn Electric Keyboard: - <i>Invention</i> - <i>Học đệm Piano cơ bản 2</i> - <i>Học đệm Piano cơ bản 3</i> - <i>Thực hành đệm Organ – Chủ đề Tình ca quê hương</i> - <i>Học đệm Organ 3</i>	Nguyễn Quang Tùng (chủ biên) Phạm Hồng Phương, Nguyễn Nguyệt Cầm. Sơn Hồng Vỹ Nguyễn Quốc Vương Trần Thế Kỷ chuyên soạn. Tạ Tấn J.S.Bach Song Minh Song Minh Cù Minh Nhật Cù Minh Nhật	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Nxb GTVT, 2004, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb Thanh niên (2010), Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb. Bakui, (1980), Nga. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam.	
--	--	--	--	---	--	--	--

				- <i>Độc tấu trên đàn Organ Keyboard 1,2,3,4</i>	Lê Vũ, Quang Đạt	Nxb. Trẻ, (1998), Việt Nam.	
55	MUS2088	Keyboard/Guitar 4	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Keyboard 4</i> - <i>Giáo trình Guitar 4</i> 2. Học liệu tham khảo môn Guitar - <i>Tác phẩm hay Guitar classic</i> - <i>Độc tấu Guitar</i> - <i>Những tác phẩm nổi tiếng soạn cho guitar cổ điển tập 2,3, 5, 6</i> - <i>Dân ca soạn cho Guitar</i> 2. Học liệu tham khảo môn Electric Keyboard: - <i>Invention</i>	Ngô Thị Việt Anh (chủ biên), Lương Diệu Ánh, Đào Văn Kiên, Trần Quốc Thùy, Đoàn Anh Vũ , Dương Vũ Bình Minh. Nguyễn Quang Tùng (chủ biên), Phạm Hồng Phương, Nguyễn Nguyệt Cầm. Sơn Hồng Vỹ Nguyễn Quốc Vương Trần Thế Kỳ chuyên soạn. Tạ Tấn J.S.Bach	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Nxb GTVT, 2004, Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb Thanh niên (2010), Việt Nam. Nxb Âm nhạc, 2008, Việt Nam. Nxb. Bakui, (1980), Nga.	

				- <i>Học đệm Piano cơ bản 2</i> - <i>Học đệm Piano cơ bản 3</i> - <i>Thực hành đệm Organ – Chủ đề Tình ca quê hương</i> - <i>Học đệm Organ 3</i> - <i>Độc tấu trên đàn Organ Keyboard 1,2,3,4</i>	Song Minh Song Minh Cù Minh Nhật Cù Minh Nhật Lê Vũ, Quang Đạt	Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2020), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Dân trí, (2017), Việt Nam. Nxb. Trẻ, (1998), Việt Nam.	
IV.2		Các môn học tự chọn	6/12				
56	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ	2	1. Học Liệu Bắt Buộc - <i>Giáo trình Giới thiệu nhạc cụ</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Nhạc khí dân tộc vùng tây bắc Việt Nam</i> - <i>Nhạc khí Xơ Đăng ở miền Tây Quảng Ngãi</i> - <i>Nhạc khí dân tộc Khmer Sóc Trăng</i>	Nguyễn Khải, Lương Minh Tân. Trần Hoàng Tiến (chủ biên) Nguyễn Thế Truyền Son Ngọc Hoàng (chủ biên)	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Việt Nam, 2019 Nxb. Hồng Đức, (2019), Việt Nam. Nxb. Hội Nhà Văn, (2019), Việt Nam. Nxb. Hội Nhà Văn (2018), Việt Nam.	

				- <i>Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai</i> - <i>Tìm hiểu nhạc cụ của người Tà Ôi</i> - <i>Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam</i>	Đào Duy Quyền Trần Nguyễn Khánh Phong Tô Ngọc Thanh	Nxb. Hội Nhà Văn (2018), Việt Nam. Nxb. Hội Nhà Văn (2018), Việt Nam. Nxb Mỹ thuật, (2017), Việt Nam.	
57	MUS2082	Nhạc cụ tự chọn	2	1. Học liệu bắt buộc. - <i>Giáo trình Nhạc cụ tự chọn (Recorder)</i> - <i>Giáo trình Nhạc cụ tự chọn (Guitar)</i> - <i>Stick control for the snare drummer</i> - <i>Giáo trình Nhạc cụ tự chọn (Keyboard) – Giáo trình Keyboard 1.</i>	Nguyễn Thành Vinh (chủ biên), Phạm Bá Sản, Đào Văn Thực, Hà Tân Mùi, Nguyễn Thị Thu Hương. Nguyễn Quang Tùng (chủ biên), Phạm Hồng Phương, Nguyễn Nguyệt Cầm. George Lawrence stone Ngô Thị Việt Anh (chủ biên), Dương Vũ Bình Minh, Lương Diệu Ánh, Đào Văn Kiên, Trần	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. USA, 1985. Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, H. 2019	

				2. Học liệu tham khảo môn Ghi ta: - <i>Dân ca soạn cho Guitar</i> - <i>Guitar classic</i> - <i>Nghệ thuật trình tấu ghita cổ điển ở Hà nội</i> - <i>Những tác phẩm nổi tiếng soạn cho guitar cổ điển tập 2,3</i> 2. Học liệu tham khảo môn Electric Keyboard: - <i>Tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng phần 2</i> - <i>Tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng, phần 3</i> - <i>Tuyển tập 220 tiểu phẩm nổi tiếng, phần 4</i> - <i>Nhạc phim, nhạc lãng mạn nổi tiếng soạn cho Piano 1</i>	Quốc Thùy, Đoàn Anh Vũ Tạ Tấn F. Carulli; Nguyễn Hạnh biên dịch. Nhiều tác giả. Trần Thế Kỳ chuyển soạn. Lê Dũng Lê Dũng Lê Dũng	NXB Âm nhạc (2008), Việt Nam. NXB Hồng Đức, (2018), Việt Nam. NXB Âm nhạc (2012), Việt Nam. NXB Thanh niên, (2010), Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, (2011), Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, (2013), Việt Nam. Nxb Âm nhạc, (2013), Việt Nam.	
--	--	--	--	--	--	---	--

				- <i>Nhạc phim, nhạc lãng mạn nổi tiếng soạn cho Piano 2</i> 3. Học liệu tham khảo môn Trống - <i>Nhạc khí gõ và trống để trong chèo truyền thống</i> 4. Học liệu tham khảo môn Sáo Recorder - <i>Nhạc phim, nhạc lãng mạn nổi tiếng soạn cho Piano 1 & 2.</i>	Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn Nguyễn Thị Nhung Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn.	Nxb. Trẻ, (2019), Việt Nam. Nxb, Trẻ (2019), Việt Nam. Nxb Viện Âm nhạc, H.1998. Nxb Dân Trí. H.2018	
58	MUS2063	Hoà tấu	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình hoà tấu</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Tuyển tập tác phẩm piano cổ điển-lãng mạn 1 được yêu thích</i>	Phạm Bá Sản (chủ biên), Đào Văn Kiên, Đặng Thái Sơn. Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn.	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, (2019), Việt Nam. Nxb. Dân trí (2019), Việt Nam	

				- Tuyển tập tác phẩm piano cổ điển-lãng mạn 2 được yêu thích - Nhạc phim, nhạc lãng mạn nổi tiếng soạn cho Piano 1 - Nhạc phim, nhạc lãng mạn nổi tiếng soạn cho Piano 2	Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn Cù Minh Nhật, Đặng Thái Sơn	Nxb. Dân trí, (2019), Việt Nam. Nxb. Dân trí (2019), Việt Nam. Nxb. Dân trí (2019), Việt Nam.	
59	VMI2006	Đệm đàn 1	2	1. Học liệu bắt buộc - Học đệm organ 3 2. Học liệu tham khảo - Học đệm guitar qua các ca khúc - Dân ca Việt Nam đệm piano - Học đệm Guitar qua những bản tình ca nổi tiếng	Ths. Cù Minh Nhật Phạm Hồng Phương Sưu tầm Cù Minh Nhật	Nxb. Âm nhạc (2015), Việt Nam. Nxb. VHTT, (2004), Việt Nam. Nxb. Văn hoá (1983), Việt Nam Nxb. Âm nhạc (2011), Việt Nam.	
60	VMI2007	Đệm đàn 2	2	1. Học liệu bắt buộc - Học đệm organ 4 2. Học liệu tham khảo - Học đệm guitar qua các ca khúc - Dân ca Việt Nam đệm piano	Ths. Cù Minh Nhật Phạm Hồng Phương Sưu tầm	Nxb. Âm nhạc (2015), Việt Nam. Nxb. VHTT, (2004), Việt Nam.	

				- Học đệm Guitar qua những bản tình ca nổi tiếng	Cù Minh Nhật	Nxb. Văn hoá (1983), Việt Nam Nxb. Âm nhạc (2011), Việt Nam.	
61	VMU2011	Thực hành biểu diễn	2				
V.	M5	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm	19				
V.1		Các môn học bắt buộc	15				
62	MUS2031	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	2	1. Học liệu bắt buộc - Giáo trình Phương pháp dạy học âm nhạc (Lưu hành nội bộ), 2. Học liệu tham khảo - Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học - Đánh giá lao động của giáo viên phổ thông ngoài giờ lên lớp	Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng Bernd Meier; Nguyễn Văn Cường Trần Quốc Thành	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Đại học Sư phạm, H.(2015), Việt Nam. Đại học Quốc gia, H.(2015), Việt Nam.	

				- <i>Giáo trình âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc</i> - <i>Tài liệu bộ môn phương pháp dạy học Âm nhạc cho hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc</i>	Hoàng Long (chủ biên), Hoàng Lâm Nguyễn Thị Hải Phượng	Nxb Đại học sư phạm, H.(2012), Việt Nam. Lưu hành nội bộ, Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011	
63	MUS2065	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	3	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Phương pháp dạy học âm nhạc (Lưu hành nội bộ)</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học</i> - <i>Đánh giá lao động của giáo viên phổ thông ngoài giờ lên lớp</i> - <i>Giáo trình âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc</i>	Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng Bernd Meier; Nguyễn Văn Cường Trần Quốc Thành Hoàng Long (chủ biên), Hoàng Lâm	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Đại học Sư phạm, H.(2015), Việt Nam. Đại học Quốc gia, H.(2015), Việt Nam. Nxb Đại học sư phạm, H.(2012), Việt Nam.	

				- Tài liệu bộ môn phương pháp dạy học Âm nhạc cho hệ Đại học Sư phạm Âm nhạc	Nguyễn Thị Hải Phượng	Lưu hành nội bộ, Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011	
64	PPE2001	Tâm lý học	4	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo trình Tâm lý học giáo dục (2) Giáo trình Tâm lý học đại cương 2. Học liệu tham khảo (1) Tình huống Tâm lý học giáo dục (2) Tâm lý học phát triển	(1) Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Quốc Thành, Trần Thị Lệ Thu (2) Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn (1) Lê Thị Minh Nguyệt (chủ biên), Vũ Thị Khánh Linh	(1) Nhà xuất bản Đại học sư phạm, 2015. (2) Nhà xuất bản Đại học sư phạm, 2011. (1) Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, 2014.	

					(2) Dương Diệu Hoa (Chủ biên), Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Kế Hào, Phan Trọng Ngọ, Đỗ Thị Hạnh Phúc	(2) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2008.	
65	PPE2002	Giáo dục học	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Giáo dục học, Tập 1, Tập 2 2. Học liệu tham khảo (1) Giáo dục học, Tập 1, Tập 2 (2) Giáo dục học (3) Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học	(1) Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Tù Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (1) Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2) Phạm Viết Vượng (3) Bộ GD & ĐT – Dự án Việt – Bỉ,	(1) Nxb ĐHSP, (2018) (1) Nxb ĐHSP, Hà Nội, (2016), Việt Nam. (2) Nxb ĐHSP, Hà Nội, (2014), Việt Nam. (3) Nxb ĐHSP, Hà Nội, (2022), Việt Nam.	

66	PPE2028	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	1. Học liệu bắt buộc (1) Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên (2) Rèn luyện Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trong đào tạo giáo viên (3) Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (4) Giao tiếp sư phạm (5) Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục 2. Học liệu tham khảo	(1) Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thuý (2) Nguyễn Nam Phương, Vũ Thị Mai Hương, Trần Thị Cẩm Tú (3) Phạm Trung Thanh (chủ biên), Nguyễn Thị Lý (4) Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Anh Phước, Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiện (5) Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh	(1) Nxb Đại học sư phạm, 2020. (2) Nxb Đại học sư phạm, 2022. (3) Nxb Đại học sư phạm, 2011. (4) Nxb Đại học sư phạm, 2021. (5) Nxb Đại học sư phạm, 2019,	
----	---------	-----------------------------	---	---	--	---	--

				(1) 300 tình huống giao tiếp sư phạm (2) Kỹ năng quản lý lớp ở Tiểu học (3) Giáo trình Giao tiếp sư phạm. (4) Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh trung học phổ thông (5) Giao tiếp sư phạm (6) Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh tiểu học.	(1) Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2) Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Trần Khánh Linh, Nguyễn Thanh Tịnh (3) Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (4) Bùi Thị Mùi (5) Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú (6) https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-27-2020-TT-BGDĐT-quy-dinh-danh-gia-hoc-sinh-tieu-hoc-320659.aspx	(1) Nhà xuất bản Giáo dục, 2012 (2) Nxb Đại học sư phạm, 2020 (3) Nxb Đại học sư phạm, 2015. (4) Nxb Đại học sư phạm, 2016. (5) Nxb Đại học sư phạm, 2018.	
--	--	--	--	--	--	---	--

				(7) Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT Quy định về đánh giá học sinh THCS, THPT.	(7) https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-22-2021-tt-bgddt-207846-d1.html		
V.2		Các môn học tự chọn	4/6				
67	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc (1) Tâm lý học nghệ thuật (2) Giáo trình Tâm lý học Nghệ thuật 2. Học liệu tham khảo (1) Phân tâm học và văn hoá nghệ thuật (2) Về cái tinh thần trong Nghệ thuật (3) Tâm lý học sáng tạo	(1) Vurgotxki L.X (2) Tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam, (1) Freud (Người dịch: Đỗ Lai Thúy) (2) Kadinsky (Người dịch: Ngụy Hữu Tâm, Trần Vĩnh) (3) Phạm Thành Nghị	(1) Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995 (2) Nhà xuất bản quân đội nhân dân, 2018. (1) NXB Tri thức, Hà Nội, 2018 (2) NXB Đà Nẵng, 2019 (3) NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013	

	MUS2077	Hoạt động sư phạm âm nhạc tổng hợp	7	1.Học liệu bắt buộc Giáo trình Phương pháp dạy học âm nhạc (Lưu hành nội bộ), Giáo trình Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp (lưu hành nội bộ), 2.Học liệu tham khảo - <i>Thiết kế bài giảng âm nhạc 1,2,3,4</i> - <i>Lí luận dạy học hiện đại cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học</i> - <i>Đánh giá lao động của giáo viên phổ thông ngoài giờ lên lớp</i> - <i>Giáo trình âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc</i> - <i>Tài liệu bộ môn phương pháp dạy học âm nhạc cho hệ đại học sư phạm âm nhạc</i>	Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng Lê Vinh Hưng, Phạm Hoàng Trung, Phạm Xuân Danh Lê Anh Tuấn Bernd Meier; Nguyễn Văn Cường Trần Quốc Thành Hoàng Long (chủ biên), Hoàng Lân Nguyễn Thị Hải Phượng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Nxb. Hà Nội, 2008, Việt Nam Nxb. ĐHSP, 2015, Việt Nam Nxb.ĐH Quốc gia, 2015, Việt Nam Nxb.ĐHSP, 2012, Việt Nam Lưu hành nội bộ, Khoa Sư phạm Âm nhạc,	

						Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2011	
68	MUS2084	Trải nghiệm các hoạt động Âm nhạc	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Giáo trình Trải nghiệm các hoạt động Âm nhạc</i> (lưu hành nội bộ) 2. Học liệu tham khảo - <i>Đánh giá lao động của giáo viên phổ thông ngoài giờ lên lớp</i> - <i>Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học</i> - <i>Nghiên cứu bài học vì cộng đồng học tập (Sách hướng dẫn đổi mới nhà trường bền vững)</i>	Nguyễn Thị Lệ Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Hằng Trần Quốc Thành Nguyễn Hữu Hợp Eisuke Saito, Masatsugu Murase, Khổng Thị Diễm Hằng	Khoa Sư phạm Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, 2019 Đại học Quốc gia, H. (2015), Việt Nam. Nxb Đại học Sư phạm, (2015), Việt Nam. Nxb. Đại học Sư phạm, H. (2015), Việt Nam.	
69	MUS2014	Thực tế sáng tác	2	1. Học liệu bắt buộc - <i>Phân tích cấu trúc tác phẩm âm nhạc</i> 2. Học liệu tham khảo - <i>55 ca khúc về biển đảo và tình yêu quê hương</i>	Đặng Văn Bông Nhiều tác giả Nguyễn Trọng Ánh	Nxb. Giáo dục, H. (2007), Việt Nam. Nxb. Âm nhạc, 2015, Việt Nam	

				<i>- Hoà âm trong sáng tác âm nhạc nửa đầu thế kỉ XX</i> <i>- Ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX</i>	Trịnh Hoài Thu	Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2021, Việt Nam Nxb. Âm nhạc, H. 2014.	
--	--	--	--	---	----------------	---	--

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)